

MỤC LỤC

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO.....	3
1. Rủi ro về kinh tế.....	3
1.1. Rủi ro về thị trường xuất khẩu	3
1.2. Rủi ro tỷ giá hối đoái.....	3
2. Rủi ro về luật pháp.....	3
3. Rủi ro đặc thù.....	3
3.1. Rủi ro về ngành.....	3
3.2. Rủi ro nhân lực, năng lực quản lý.....	5
4. Rủi ro khác.....	5
II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH.....	6
1. Tổ chức niêm yết.....	6
2. Tổ chức tư vấn.....	6
III. CÁC KHÁI NIỆM.....	7
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT.....	8
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển.....	8
1.1. Lịch sử hình thành và phát triển.....	8
1.2. Giới thiệu về Công ty.....	8
2. Cơ cấu tổ chức của Công ty.....	9
3. Cơ cấu bộ máy quản lý Công ty.....	10
4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty (tại thời điểm 25/06/2007), danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ của Công ty.....	12
5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức đăng ký niêm yết, những công ty mà tổ chức đăng ký niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức đăng ký niêm yết.....	12
6. Hoạt động kinh doanh.....	13
6.1. Sản phẩm và thị trường tiêu thụ.....	13
6.2. Doanh thu, lợi nhuận từng nhóm sản phẩm, dịch vụ.....	15
6.3. Nguyên vật liệu.....	17
6.4. Chi phí sản xuất.....	20
6.5. Trình độ công nghệ.....	21
6.6. Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới.....	29
6.7. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm.....	30
6.8. Hoạt động Marketing.....	31
6.9. Nhận hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế, bản quyền.....	33
6.10. Các hợp đồng lớn đang thực hiện.....	33
7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong hai năm gần nhất.....	34

7.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2005, 2006 và 3 tháng đầu năm 2007.	34
7.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2005 và 2006.....	34
8. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành.	39
8.1. Vị thế của Công ty trong ngành.	39
8.2. Triển vọng phát triển của ngành 40	40
8.3. Định hướng phát triển của Công ty 43	43
9. Chính sách đối với người lao động. 44	44
9.1. Tình hình lao động. 44	44
9.2. Chính sách đối với người lao động..... 44	44
10. Chính sách cổ tức..... 45	45
11. Tình hình hoạt động tài chính..... 46	46
11.1. Các chỉ tiêu cơ bản. 46	46
11.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu. 49	49
12. Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban kiểm soát và Kế toán trưởng..... 49	49
12.1. Danh sách thành viên Hội đồng quản trị..... 49	49
12.2. Danh sách thành viên Ban Kiểm soát: 53	53
12.3. Ban Tổng Giám đốc 54	54
12.4. Kế toán trưởng 55	55
13. Tài sản. 55	55
14. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong năm tiếp theo..... 57	57
15. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức. 58	58
16. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết. 59	59
17. Các thông tin tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán niêm yết..... 59	59
V. CỔ PHIẾU NIÊM YẾT..... 59	59
VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC NIÊM YẾT..... 62	62
1. Tổ chức tư vấn niêm yết. 62	62
2. Tổ chức kiểm toán. 62	62
VII. PHỤ LỤC..... 62	62
1. Phụ lục I: Bản sao Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh..... 62	62
2. Phụ lục II: Bản sao hợp lệ Điều lệ công ty..... 62	62
3. Phụ lục III: Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2005, 2006, 3 tháng 2007..... 62	62
4. Phụ lục IV: Sơ yếu lý lịch các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng..... 62	62
5. Phụ lục V: Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thông qua việc niêm yết cổ phiếu trên Sở GDCK TPHCM. 62	62

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO.

1. Rủi ro về kinh tế

1.1. Rủi ro về thị trường xuất khẩu

Thị trường các nước nhập khẩu sản phẩm của Vĩnh Hoàn (Mỹ, Châu Âu, Úc...) luôn quy định rất khắt khe về tiêu chuẩn an toàn vệ sinh thực phẩm. Những tiêu chuẩn này có thể thay đổi theo từng thời kỳ khác nhau, thường là bổ sung hoạt chất cấm sử dụng hoặc quy định mức tối thiểu về dư chất kháng sinh. Hiện tại, quá trình sản xuất của Vĩnh Hoàn luôn tuân thủ về chất lượng sản phẩm trong suốt quá trình từ mua nguyên vật liệu đến lúc sản xuất ra thành phẩm và bảo quản. Tuy nhiên, sự thay đổi về tiêu chuẩn an toàn thực phẩm của thị trường tiêu thụ nếu có sẽ ảnh hưởng không tốt đến việc thu mua, sản xuất, xuất khẩu của Công ty.

1.2. Rủi ro tỷ giá hối đoái.

Công ty là đơn vị kinh doanh xuất khẩu nên yếu tố tỷ giá có ảnh hưởng lớn đến doanh số và lợi nhuận của Công ty. Khi tỷ giá biến động tăng thì doanh số của Công ty và lợi nhuận cũng bị tác động tăng theo và ngược lại. Tuy nhiên với tình hình chính sách tiền tệ hiện nay của Ngân hàng Nhà nước, tỷ giá thường tăng, mặt khác doanh số của Công ty chủ yếu là xuất khẩu nên yếu tố tỷ giá lại có tác động làm tăng doanh số của Công ty.

2. Rủi ro về luật pháp.

Công ty chuyển sang hoạt động theo hình thức công ty cổ phần từ tháng 04/2007, hoạt động của Vĩnh Hoàn chịu ảnh hưởng của các văn bản pháp luật về công ty cổ phần, chứng khoán và thị trường chứng khoán. Luật và các văn bản dưới luật trong lĩnh vực này đang trong quá trình hoàn thiện, sự thay đổi về mặt chính sách luôn có thể xảy ra và khi đó ít nhiều sẽ ảnh hưởng đến hoạt động quản trị, kinh doanh của doanh nghiệp và khi đó sẽ ảnh hưởng đến giá cổ phiếu của Công ty trên thị trường.

3. Rủi ro đặc thù.

3.1. Rủi ro về ngành

a) Rủi ro về thị trường nguyên liệu trong nước.

Cá Tra, Basa là nguồn nguyên liệu chủ yếu của Công ty hiện nay được các hộ cá nhân nuôi thả trong ao, bè trên sông Tiền và sông Hậu. Rủi ro ô nhiễm nguồn nước sông do số lượng hộ nuôi tăng lên nhanh chóng trong khi môi trường nước không được khắc phục là có thể xảy ra. Mặt khác, ảnh hưởng từ những yếu tố khách quan về thiên tai bão lụt cũng ảnh hưởng đến sản lượng nguyên liệu.

Ngoài ra, để đảm bảo vệ sinh môi trường, Công ty Vĩnh Hoàn đã chủ động ký hợp đồng với Công ty D2D3 tại Bỉ thiết kế biện pháp xử lý nước thải ao nuôi cá Tra theo phương pháp sinh học, đi tiên phong trong chương trình phát triển bền vững của ngành công nghiệp nuôi cá Tra, Basa.

Bên cạnh đó Công ty phải đối đầu với sự cạnh tranh thu mua nguyên liệu từ các đơn vị khác. Những biến động trên ắt hẳn sẽ gây ra sự tăng giá nguyên liệu, sự khan hiếm nguồn nguyên liệu sẽ ảnh hưởng không nhỏ đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty nếu Công ty không có chính sách dự trữ hợp lý.

Tuy nhiên, bên cạnh việc thiết lập hệ thống khách hàng cung cấp nguyên liệu là các hộ nuôi khối lượng lớn, uy tín trong giao kết cung cấp nguyên liệu, Vĩnh Hoàn còn đang triển khai các dự án nuôi trồng để khắc phục tình trạng khan hiếm nguyên vật liệu, đồng thời chủ động ổn định nguồn nguyên vật liệu, đảm bảo hoạt động kinh doanh ổn định trên thị trường đồng thời tối thiểu chi phí sản xuất.

b) Rủi ro về các vụ kiện chống bán phá giá

Với mức tăng trưởng xuất khẩu hàng năm gần 20% trong những năm gần đây và việc chúng ta càng ngày càng phải đối mặt với nhiều vụ kiện thương mại đối với các mặt hàng xuất khẩu chủ lực (thủy sản, xe đạp, giày dép,...) trên các thị trường lớn (Mỹ, EU) cho thấy Việt Nam đã trở thành một sức mạnh mới trong giao lưu thương mại quốc tế.

Tuy nhiên, các vụ kiện xuất hiện ngày càng nhiều sẽ ảnh hưởng rất lớn đến kế hoạch tăng trưởng xuất khẩu và khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp Việt Nam trên bình diện quốc tế. Bên cạnh đó, các vụ kiện này cũng có những tác động tiêu cực rất lớn đến những vấn đề xã hội như: việc làm, thu nhập cho người lao động....

Trong vụ kiện cá tra, cá basa của Hiệp hội các nhà nuôi cá da trơn Mỹ (CFA) kiện các doanh nghiệp sản xuất cá da trơn Việt Nam về việc bán phá giá; Công ty Vĩnh Hoàn đã thể hiện đường lối chính sách kinh doanh đúng đắn và kiên trì đấu tranh cho sự công bằng và cạnh tranh lành mạnh. Vào đầu tháng 04/2006 Công ty Vĩnh Hoàn được Bộ Thương Mại Mỹ (DOC) điều chỉnh mức thuế bán phá giá từ 36.84% xuống còn 6.81%

Đây là mức thuế (thuế chống bán phá giá) thấp nhất so với tất cả các doanh nghiệp xuất khẩu sản phẩm cá Tra, Basa philê của Việt Nam vào thị trường Mỹ bị áp thuế kể từ sau vụ kiện chống bán phá giá của Hiệp hội các nhà nuôi cá catfish Mỹ (CFA) đối với các doanh nghiệp chế biến và xuất khẩu bắt đầu từ năm 2002 cho đến nay.

Riêng tại thị trường Châu Âu, các vụ kiện chống bán phá giá về sản phẩm cá tra, basa không có nguy cơ xảy ra. Nguyên nhân là do khu vực này có khí hậu ôn đới, không thích

hợp với điều kiện nuôi thả và phát triển loài cá này. Cho nên, trường hợp xảy ra các vụ kiện chống bán phá giá để bảo hộ là không có khả năng xảy ra.

3.2. Rủi ro nhân lực, năng lực quản lý.

Tính chất của ngành chế biến thủy sản là luôn cần một lực lượng lớn lao động sản xuất chế biến. Sự biến động về nguồn cung ứng lao động luôn diễn ra ở mức độ cao, do đó, rủi ro về thiếu hụt nhân lực luôn thường trực.

Ngoài ra, Công ty luôn chuẩn bị sẵn sàng để giảm thiểu rủi ro này bằng cách chăm sóc tốt điều kiện làm việc và phúc lợi cho người lao động, thường xuyên chăm lo đào tạo nâng cao trình độ tay nghề của đội ngũ nhân viên. Tuyển dụng, phát hiện, bồi dưỡng và đào tạo các cấp quản lý trung gian. Bên cạnh đó, các cán bộ quản lý cấp cao của Công ty thường xuyên được đào tạo hoặc tự đào tạo bồi dưỡng nghiệp vụ nâng cao năng lực quản lý. Đặc điểm của nguồn nhân lực này là ít biến động. Do đó rủi ro về thất thoát nguồn nhân lực quản lý cấp cao là thấp.

4. Rủi ro khác.

Các rủi ro khác như thiên tai, dịch họa, hoả hoạn .v.v... là những rủi ro bất khả kháng, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại cho tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty. Nhằm hạn chế đến mức tối đa rủi ro này, Vĩnh Hoàn cũng đã thực hiện việc mua bảo hiểm tai nạn cho cán bộ, công nhân viên của Công ty và cho toàn bộ máy móc, thiết bị, nhà xưởng và hàng hoá kho thành phẩm.

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH.

1. Tổ chức niêm yết.

Bà Trương Thị Lệ Khanh	Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàn.
Ông Huỳnh Đức Trung	Trưởng ban kiểm soát, Phó Tổng Giám đốc phụ trách sản xuất Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàn .
Bà Nguyễn Thị Kim Đào	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàn.

Chúng tôi đảm bảo các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

2. Tổ chức tư vấn.

Đại diện: Ông **Võ Hữu Tuấn**

Chức vụ: Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt – Chi nhánh TPHCM

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký niêm yết do Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng tư vấn với Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàn. Chúng tôi đảm bảo việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trong Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cân trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàn cung cấp.

III. CÁC KHÁI NIỆM.

Công ty	Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàn.
Tổ chức niêm yết	Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàn.
Vĩnh Hoàn	Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàn.
VINH HOAN CORP	Tên giao dịch của Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàn
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
ĐHĐCĐ	Đại hội đồng cổ đông
HĐQT	Hội đồng quản trị
ĐBSCL	Đồng bằng sông Cửu Long
VASEP	Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu Thủy sản Việt Nam
HACCP	Phân tích mối nguy và điểm kiểm soát tới hạn
SQF	Safe Quality Food - Thực phẩm đạt chất lượng an toàn
BRC	British Retail Consortium - Tiêu chuẩn của Hiệp hội các nhà bán lẻ Anh
IFS	International Food Standard - Tiêu chuẩn vệ sinh an toàn thực phẩm Quốc tế.
EU	European Union - Liên minh Châu Âu
UBCKNN	Ủy ban Chứng Khoán Nhà nước
TTGDCK	Trung tâm Giao dịch Chứng khoán
CNĐKKD	Chứng nhận đăng ký kinh doanh
BVSC	Công ty cổ phần chứng khoán Bảo Việt

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT.

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển.

1.1. Lịch sử hình thành và phát triển.

Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàn là công ty cổ phần được chuyển đổi từ Công ty TNHH Vĩnh Hoàn vào tháng 04/2007, với lĩnh vực kinh doanh chính là chế biến xuất khẩu cá Tra, Basa đông lạnh. Từ ngày đầu thành lập cuối năm 1997, Vĩnh Hoàn có mức vốn điều lệ ban đầu 300 triệu đồng. Dựa trên bản lĩnh và kinh nghiệm của Ban lãnh đạo Công ty cùng với sự phát triển của sản phẩm cá Tra, Basa của Việt Nam trên thị trường thế giới, Vĩnh Hoàn đã không ngừng tăng cao công suất, chất lượng quản lý và quy mô xuất khẩu của mình. Công ty thực hiện dự án đầu tư “Phân xưởng sản xuất và lắp đặt dây chuyền thiết bị mở rộng quy mô sản xuất của nhà máy chế biến thủy sản Vĩnh Hoàn” (đầu tư mở rộng tăng công suất Xí nghiệp 1) vào cuối năm 2005. Ngay sau đó, Vĩnh Hoàn đầu tư dự án “Mở rộng đầu tư - Nâng cao năng lực sản xuất của Nhà máy chế biến thủy sản xuất khẩu Vĩnh Hoàn” (đầu tư Xí nghiệp 2), dự án này đã hoàn tất và bắt đầu đi vào sản xuất trong tháng 2/2007. Đến nay, tổng công suất chế biến hiện tại của Vĩnh Hoàn đạt hơn 200 tấn cá nguyên liệu/ngày, nằm trong số các doanh nghiệp xuất khẩu cá Tra, Basa lớn nhất Việt Nam và trên thế giới.

Theo định hướng phát triển của thị trường trước thềm hội nhập và đại chúng hoá Công ty, Vĩnh Hoàn đã chính thức chuyển sang Công ty cổ phần sau gần 10 năm chính thức đi vào hoạt động, vốn điều lệ là 300 tỷ đồng theo giấy CNĐKKD của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 17/04/2007.

1.2. Giới thiệu về Công ty.

- Tên Công ty: Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàn.
- Tên tiếng Anh: VinhHoan Corporation.

- Biểu tượng của Công ty:



- Vốn điều lệ: 300.000.000.000 đ (Ba trăm tỷ đồng chẵn).
- Trụ sở chính: Quốc lộ 30, Phường 11, TP.Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.
- Điện thoại: (84-67) 891.166
- Fax: (84-67) 891.672
- Website: www.vinhhoan.com.vn
- Email: vh@vinhhoan.com.vn
- Giấy CNĐKKD: 5103000069 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp đăng ký ngày 17/04/2007

- Ngành nghề kinh doanh của Công ty:
 - Nuôi trồng thủy sản nội địa. Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản. Mua bán thủy hải sản, mua bán máy móc, thiết bị, vật tư, hoá chất, nông sản thực phẩm, sức sản, nguyên vật liệu phục vụ sản xuất, chế biến thủy hải sản, chế biến thức ăn thủy sản.
 - Sản xuất và mua bán thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản, thuốc thú y, thủy sản. Các dịch vụ thú y thủy sản (tư vấn sử dụng thuốc, thức ăn và kỹ thuật nuôi trồng thủy sản);
 - Kinh doanh dịch vụ du lịch sinh thái;
 - Sản xuất bao bì giấy và in bao bì các loại;
 - Xây dựng nhà các loại, kinh doanh bất động sản.
- Quá trình tăng vốn của Vĩnh Hoàn:

Đơn vị tính: đồng

THỜI ĐIỂM	VỐN TĂNG THÊM	HÌNH THỨC TĂNG VỐN	VỐN SAU KHI TĂNG
Giai đoạn Công ty TNHH			
Khi thành lập (Giấy CNĐKKD cấp ngày 27/12/1997)			300.000.000
Tăng vốn lần thứ nhất (Giấy CNĐKKD cấp ngày 21/01/1998)	2.300.000.000	Chủ sở hữu là các thành viên trong hội đồng thành viên tham gia góp vốn.	2.600.000.000
Tăng vốn lần thứ hai (Giấy CNĐKKD cấp ngày 21/12/2000)	8.700.000.000	Chủ sở hữu là các thành viên trong hội đồng thành viên tham gia góp vốn.	11.300.000.000
Tăng vốn lần thứ ba (Giấy CNĐKKD cấp ngày 29/12/2000)	6.000.000.000	Chủ sở hữu là các thành viên trong hội đồng thành viên tham gia góp vốn.	17.300.000.000
Giai đoạn Công ty cổ phần (Chính thức hoạt động ngày 01/04/2007)			
Khi chuyển đổi sang cổ phần (Giấy CNĐKKD cấp ngày 17/04/2007)			300.000.000.000

2. Cơ cấu tổ chức của Công ty

- Trụ sở chính Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàn:
Địa chỉ: Quốc lộ 30, Phường 11, TP.Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.
Điện thoại: (84-67) 891.166 Fax: (84-67) 891.672
Trụ sở chính của Công ty là nơi đặt văn phòng làm việc của Ban Tổng Giám đốc của Công ty và các phòng nghiệp vụ của Công ty gồm: Phòng Tổ chức, Phòng thu mua, Phòng Kế toán, Phòng Cơ điện, Phòng Kế hoạch - Kho vận,... Các Xí nghiệp sản xuất chính của Công ty: Xí nghiệp 1, Xí nghiệp 2. Ngoài ra, Công ty cũng xây dựng xí nghiệp nuôi và thành lập trung tâm thú y thủy sản.
- Chi nhánh Công ty tại Thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ: Số 384 Nguyễn Trãi, Quận 5, TP.HCM.

Điện thoại: (84-8) 838.1087 Fax: (84-8) 836.3359

Nơi đặt Phòng Kinh doanh của Công ty dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Phó Tổng giám đốc kinh doanh, Chi nhánh của Công ty có chức năng chính là địa điểm giao dịch giới thiệu, mua bán sản phẩm với khách hàng.

▪ Công ty cổ phần Thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1:

Hoạt động độc lập theo giấy CNĐKKD số 5103000070 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp đăng ký lần đầu ngày 02/05/2007. Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn đầu tư 70% vốn (tương đương với 35 tỷ đồng vốn điều lệ của Vĩnh Hoàn 1).

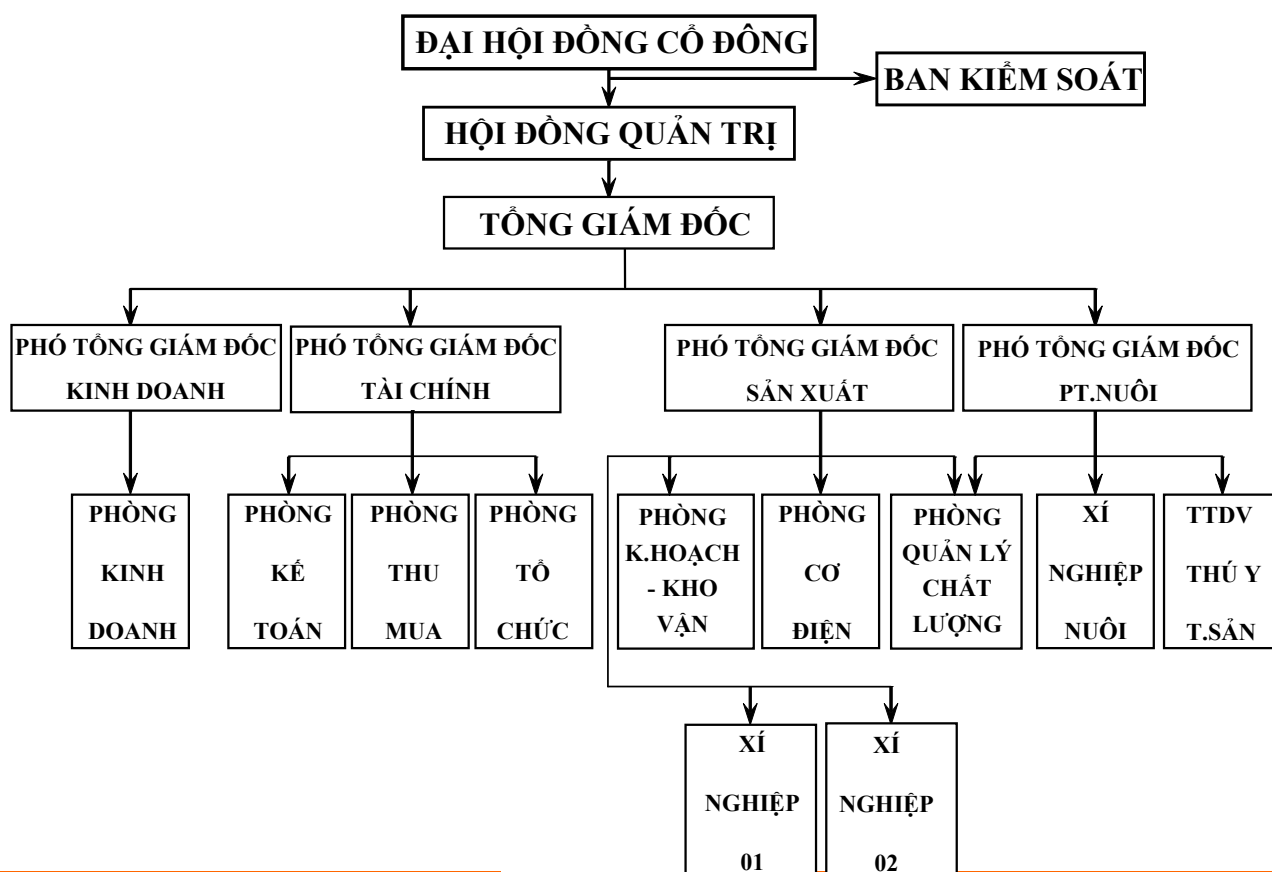
▪ Công ty con của Vĩnh Hoàn tại Mỹ:

Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn được Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài số 09/BKH-ĐTRNN ngày 01/12/2007 về việc thành lập Công ty TNHH Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ) là công ty con của Công ty Vĩnh Hoàn (Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn nắm giữ 100% vốn điều lệ).

- Địa điểm thực hiện dự án: 3371, Hostetter-rd. San Jose, California 95132, Hoa Kỳ.
- Vốn đầu tư ra nước ngoài (vốn điều lệ của Công ty TNHH Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ): 500.000 USD (tương đương 8.000.000.000 đồng Việt Nam).
- Ngành nghề kinh doanh: Mục tiêu hoạt động của Công ty: mua bán thủy hải sản đông lạnh, máy móc thiết bị, hoá chất, nông sản thực phẩm, súc sản, nguyên liệu phục vụ sản xuất và chế biến thủy sản.

3. Cơ cấu bộ máy quản lý Công ty.

SƠ ĐỒ CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ CÔNG TY



Đại hội đồng cổ đông.

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, họp mỗi năm ít nhất một lần. ĐHĐCĐ quyết định những vấn đề được Luật pháp và Điều lệ Công ty quy định. ĐHĐCĐ thông qua các báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và ngân sách tài chính cho năm tiếp theo, bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát của Công ty...

Hội đồng quản trị.

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến hoạt động của Công ty (trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông). Số thành viên của Hội đồng quản trị có từ 05 đến 11 thành viên. Hiện tại Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàn có 05 thành viên, nhiệm kỳ tối đa của mỗi thành viên là 5 năm.

Ban kiểm soát.

Ban kiểm soát là cơ quan trực thuộc Đại hội đồng cổ đông, do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Ban kiểm soát có nhiệm vụ kiểm soát mọi mặt hoạt động quản trị và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. Hiện Ban kiểm soát Công ty gồm 03 thành viên, có nhiệm kỳ 05 năm. Ban kiểm soát hoạt động độc lập với Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc.

Ban Tổng Giám đốc.

Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, là người điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

Quản lý các hoạt động sản xuất, kinh doanh, nhân sự, tài chính, chất lượng, môi trường, nuôi và dịch vụ thú y thủy sản. Hoạch định chính sách và mục tiêu về chất lượng/ môi trường; chính sách khách hàng và thị trường, chiến lược phát triển nguồn nhân lực, chiến lược phát triển sản xuất và kinh doanh. Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Các Phó Tổng giám đốc Công ty do Tổng Giám đốc bổ nhiệm, bao gồm 4 thành viên phụ trách điều hành các phòng, ban, bộ phận chuyên môn và các nhà máy của Công ty.

- **Phó Tổng Giám đốc phụ trách Kinh doanh:** Quản lý hoạt động kinh doanh của công ty. Xây dựng phương án kinh doanh có hiệu quả, kế hoạch marketing, phát triển thị trường. Trực tiếp phụ trách phòng kinh doanh của Công ty, liên hệ và tiếp xúc trực tiếp với khách hàng nước ngoài trong hoạt động xuất nhập khẩu, kinh doanh hàng hoá của Công ty.

- **Phó Tổng Giám đốc phụ trách sản xuất:** Điều hành toàn bộ hoạt động sản xuất trong Công ty, đảm bảo chất lượng, số lượng theo từng đơn đặt hàng. Quản lý, triển khai thực hiện sản xuất; điều hành nguồn nhân lực sản xuất, quản lý tài sản và chất lượng sản phẩm. Tham mưu cho Tổng Giám đốc phương án sản xuất, cải thiện điều kiện sản xuất và quản lý chất lượng sản phẩm cũng như phương án tăng năng suất lao động, tiết kiệm tiêu hao nguyên vật liệu.

Điều hành, tổ chức các hoạt động về cơ khí, cơ điện của Công ty bao gồm sản xuất các sản phẩm cơ khí phục vụ cho Công ty, vận hành máy móc thiết bị đảm bảo sản xuất liên tục, bảo trì, bảo dưỡng mọi thiết bị của Công ty đồng thời tổ chức, giám sát, nghiệm thu các công việc về xây dựng cơ sở vật chất cả trong và ngoài Công ty.

- **Phó Tổng Giám đốc phụ trách tài chính:** Quản lý hoạt động tài chính của công ty. Phân tích các hoạt động sản xuất, kinh doanh và giá thành sản phẩm để tham mưu cho Tổng Giám đốc về các biện pháp, qui chế quản lý tài chính Công ty.

- **Phó Tổng Giám đốc phụ trách nuôi:** Quản lý, tổ chức xây dựng, duy trì, kiểm soát và cải tiến hệ thống quản lý theo tiêu chuẩn HACCP, ISO 9001, ISO 14001, BRC, IFS. Quản lý Xí Nghiệp Nuôi và Trung tâm dịch vụ thú y thủy sản (Trung tâm cung cấp thức ăn, thuốc thú y, thủy sản cho vùng nuôi và khách hàng Chuẩn đoán, tư vấn trị bệnh cho cá).

4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty (tại thời điểm 25/06/2007), danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ của Công ty

- **Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần của Công ty.**

TÊN CỔ ĐÔNG	ĐỊA CHỈ	SỐ CỔ PHẦN	TỶ LỆ SỞ HỮU
Trương Thị Lệ Khanh	Số 384 Nguyễn Trãi, Phường 8, Quận 5, TP.HCM	17.965.000	59,90%

- **Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ ban đầu**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 5103000069 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp đăng ký ngày 17/04/2007, Cổ đông sáng lập của Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn bao gồm:

TÊN CỔ ĐÔNG	ĐỊA CHỈ	SỐ CỔ PHẦN	TỶ LỆ SỞ HỮU
Trương Thị Lệ Khanh	Số 384 Nguyễn Trãi, Phường 8, Quận 5, TP.HCM	17.965.000	59,90%
Trương Tuyết Phương	Khóm 5, Châu Phú A, Châu Đốc, An Giang	10.000	0,03%
Đặng Văn Viễn	Xuân Khánh, TP.Cần Thơ	10.000	0,03%
Nguyễn Ngô Vi Tâm	Số 323/18/11 Minh Phụng, Phường 2, Quận 11, TP.HCM	10.000	0,03%
Nguyễn Thị Kim Đào	Số 153 Đào Cam Mộc, Phường 4, Quận 8, TP.HCM	5.000	0,01%

Các cổ đông sáng lập của Công ty đều là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty. Căn cứ vào quy định Điều 8, Khoản 1, Mục đ của Nghị định 14/2007/NĐ-CP ngày 19/01/2007 về việc hướng dẫn một số điều của Luật Chứng khoán: "Cổ đông là thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc, Phó Giám đốc hoặc Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng của công ty phải cam kết nắm giữ 100% số cổ phiếu do mình sở hữu trong thời gian 6 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% số cổ phiếu này trong thời gian 6 tháng tiếp theo".

5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức đăng ký niêm yết, những công ty mà tổ chức đăng ký niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức đăng ký niêm yết

- Những Công ty mà tổ chức đăng ký niêm yết đang nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối:

➤ Công ty cổ phần Thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1

- Địa chỉ: Quốc lộ 30, Cụm Công nghiệp Thanh Bình, xã Bình Thành, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5103000070 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp đăng ký lần đầu ngày 02/05/2007.
- Vốn điều lệ đăng ký ban đầu là 50 tỷ đồng. Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn góp 70% vốn (tương đương với 35 tỷ đồng vốn góp).

Hiện tại, Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1 đang trong quá trình xây dựng, dự kiến chính thức đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh vào cuối năm 2007.

➤ Công ty TNHH Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ):

- Tên tiếng Anh: VinhHoan (USA) Incorporated
- Tên viết tắt: VinhHoan Inc.
- Vốn đầu tư ra nước ngoài (vốn điều lệ của Công ty TNHH Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ): 500.000 USD (tương đương 8.000.000.000 đồng Việt Nam).
- Ngành nghề kinh doanh: Mục tiêu hoạt động của Công ty: mua bán thủy hải sản đông lạnh, máy móc thiết bị, hoá chất, nông sản thực phẩm, súc sản, nguyên liệu phục vụ sản xuất và chế biến thủy sản.

Dự án thành lập công ty con vừa mới hoàn tất việc chuẩn bị các thủ tục, giấy tờ cấp phép của các cơ quan có thẩm quyền về đăng ký kinh doanh tại nơi đặt trụ sở công ty này và đã được cấp giấy chứng nhận hoạt động kinh doanh số 2942848 ngày 19/1/2007 của Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Bang California (Hoa Kỳ). Sau khi được cấp giấy chứng nhận hoạt động kinh doanh, công ty TNHH Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ) tiếp tục hoàn tất các thủ tục liên quan như: xin phép Ngân hàng nhà nước chuyển tiền góp vốn; Đăng ký mã số nhập khẩu; mua bảo hiểm thuế chống phá giá. Công ty chính thức đi vào hoạt động từ ngày 15/06/2007

- Những Tổ chức đang nắm quyền kiểm soát đối với tổ chức đăng ký niêm yết: không có.

6. Hoạt động kinh doanh.

6.1. Sản phẩm và thị trường tiêu thụ.

Hoạt động sản xuất, kinh doanh chính của Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn hiện nay là chế biến xuất khẩu các sản phẩm từ cá Tra, Basa (thịt cá Tra, Basa phi lê; da cá, các sản phẩm giá trị gia tăng từ cá Tra) cùng một số sản phẩm từ các loại thủy sản khác.

Sản phẩm của Công ty được đánh giá là sản phẩm đạt chất lượng cao, có khả năng truy xuất từ ao nuôi cho đến bàn ăn; Do đó, Công ty đã cung cấp được cho các hệ thống thức ăn nhanh, các siêu thị khó tính và nhu cầu này đang có khuynh hướng gia tăng. Cá Tra, Basa phi lê được phân loại theo nhiều tiêu chuẩn khác nhau:

- Theo màu sắc của thịt cá:

Trên thị trường hiện nay, cá nguyên liệu phân theo màu sắc gồm nhiều loại như các thịt trắng (chất lượng cao nhất), thịt vàng, thịt đỏ. Tuy nhiên, hiện tại của Vĩnh Hoàn chỉ dùng cá nguyên liệu thịt trắng (và một số ít sản phẩm từ cá nguyên liệu thịt vàng) để xuất khẩu cho thị trường và khách hàng chính của Công ty phần lớn là Mỹ và các nước thuộc EU. Hai thị trường này luôn yêu cầu cao về chất lượng và vệ sinh an toàn thực phẩm.

- Theo loại sản phẩm: hiện tại ngoài sản phẩm cá Tra, Basa philê, Vĩnh Hoàn còn cung cấp một số sản phẩm khác từ loài cá này (sản phẩm giá trị gia tăng) có giá trị dinh dưỡng cao. Các sản phẩm này chủ yếu được tiêu thụ trong các cửa hàng thức ăn nhanh, các siêu thị và nhà hàng cao cấp tại nhiều nước trên thế giới.
- Theo kích cỡ và cách đóng gói:
 - Theo kích cỡ: tùy theo đơn đặt hàng và những yêu cầu khác nhau của khách hàng, sản phẩm được đóng gói theo nhiều kích cỡ và trọng lượng khác nhau.
 - Theo cách đóng gói: hai hình thức đóng gói chính hiện nay của Công ty là đông khối (block) và đông rời (IQF). Đông khối (block) thường có trọng lượng lớn (5kg, 10kg), giá thành thấp hơn; đông rời (IQF) giá thành cao hơn, khối lượng nhỏ và đóng gói riêng biệt.

MỘT SỐ HÌNH ẢNH SẢN PHẨM TIÊU BIỂU CỦA CÔNG TY



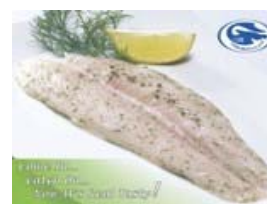
CÁ TRA NGUYÊN CON



CÁ BASA PHILÊ

CÁ TRA PHILÊ THỊT
TRẮNGCÁ TRA PHILÊ THỊT
HỒNGCÁ TRA PHILÊ THỊT
VÀNGCÁ TRA FILLET KHÔNG
ĐỊNH HÌNH

CÁ TRA TẦM BỘT

CÁ TRA FILLET TẦM
GIA VỊ

Sản phẩm mang thương hiệu Vĩnh Hoàn được khẳng định về chất lượng trên thị trường và đặc biệt là thị trường xuất khẩu. Công ty là đơn vị chế biến cá đầu tiên đã đạt được những tiêu chuẩn về chất lượng phù hợp với các quy định nghiêm ngặt về an toàn vệ sinh thực phẩm (Vĩnh Hoàn là đơn vị đầu tiên được cấp các chứng nhận HACCP, ISO 9001, BRC, IFS...) theo tiêu chuẩn tốt nhất để cung cấp các sản phẩm đảm bảo chất lượng cao đến người tiêu dùng.

Trong tương lai, Công ty dự kiến sẽ mở rộng hoạt động, đưa ra thị trường những loại sản phẩm giá trị gia tăng căn cứ vào nhu cầu và mức độ phát triển của thị trường. Công ty luôn

hướng đến việc tìm kiếm những cơ hội phát triển mới nhưng vẫn duy trì những tiêu chuẩn cao nhất về chất lượng, an toàn trong sử dụng thực phẩm.

Công ty cũng đã thiết lập và nâng cấp trang web để giới thiệu sản phẩm đến người tiêu dùng và các khách hàng với địa chỉ là www.vinhhoan.com.vn.

Vĩnh Hoàn hiện là doanh nghiệp chế biến xuất khẩu cá Tra, Basa lớn nhất của Việt Nam xuất khẩu vào thị trường Mỹ với mức thuế mà Bộ Thương mại Mỹ áp dụng là 6,81%, đây cũng là mức thuế thấp nhất so với các doanh nghiệp chế biến xuất khẩu cá Tra, Basa nhập vào thị trường này. Đây là một trong những lợi thế cạnh tranh của Vĩnh Hoàn trong việc tăng cao giá trị xuất khẩu tại thị trường Mỹ.

Ngoài ra, Công ty luôn có chính sách phân khúc thị trường để giữ tính ổn định cho sản xuất; các khách hàng truyền thống luôn tin tưởng vào chất lượng và chính sách của Công ty nên vào những thời điểm giá cả nguyên liệu biến động, thị trường thay đổi nhưng Công ty vẫn luôn giữ được khách hàng truyền thống ở các nước Châu Âu, Úc, Canada, Singapore, Hồng Kông và một số nước khác.

Vĩnh Hoàn cũng đang có chính sách mở rộng đẩy mạnh hàng vào Đông Âu, Trung Đông, Mêhicô

6.2. Doanh thu, lợi nhuận từng nhóm sản phẩm, dịch vụ.

a) *Tình hình sản lượng tiêu thụ:*

Khoản mục	Đơn vị tính	Năm 2005	Năm 2006	Tỷ lệ tăng 2006 so với 2005	9 tháng đầu năm 2007
Cá tra, basa, lóc, rô phi fillet	kg	8.871.098	18.074.029	203,74 %	15.244.662
Các mặt hàng khác (*)	kg	20.061.853	66.130.439	329,63 %	53.272.800

(*) Các mặt hàng khác bao gồm: cá tra nguyên liệu, phụ phẩm, thức ăn viên, hàng mua và nhận ủy thác xuất khẩu, hàng GTGT và hàng khác bao gồm các sản phẩm GTGT từ cá Tra (tẩm bột, ghép định hình, cắt khúc, xiên que...) và dè cá, vụn cá, cá lưỡi trâu...

b) *Doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh từng nhóm sản phẩm, dịch vụ.*

STT	Khoản mục	Năm 2005		Năm 2006		9 tháng đầu năm 2007	
		Giá trị (Triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (Triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (Triệu đồng)	Tỷ trọng (%)
1	Cá tra basa fillet	352.096	69,44%	895.553	59,07%	774.061	59,72%
2	Cá Tra nguyên liệu (bán trong nước)	50.844	10,03%	171.524	11,31%	87.794	6,77%
3	Phụ phẩm	19.357	3,82%	37.724	2,49%	58.700	4,53%
4	Thức ăn viên (đại lý phân phối) (*)	757	0,15%	87.939	5,80%	88.414	6,82%
5	Hàng nhận ủy thác, mua xuất khẩu (**)	55.524	10,95%	304.101	20,06%	274.988	21,22%
6	Hàng GTGT và hàng khác (***)	28.436	5,61%	19.404	1,28%	12.239	0,94%
Tổng Doanh thu		507.014	100,00%	1.516.245	100,00%	1.296.196	100,00%

Nguồn: Công ty Vĩnh Hoàn

(*) Công ty đang là đại lý cấp 1 của các nhà sản xuất thức ăn viên dùng cho ngành thủy sản (đặc biệt là thức ăn cho cá Tra, Basa).

(**) Đối với hàng nhận ủy thác xuất khẩu, Công ty ghi nhận doanh thu và nhận phí ủy thác xuất khẩu.

(***) Hàng GTGT và hàng khác bao gồm các sản phẩm GTGT từ cá Tra (tầm bột, ghép định hình, cắt khúc, xiên que...) và dề cá, vụn cá, cá lườn trâu...

c) Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh từng nhóm sản phẩm, dịch vụ.

STT	Khoản mục	Năm 2005		Năm 2006		9 tháng đầu năm 2007	
		Giá trị (Triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (Triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (Triệu đồng)	Tỷ trọng (%)
1	Cá tra basa fillet	1.650	337,42%	82.254	90,53%	106.580	93,32%
2	Cá Tra nguyên liệu (bán trong nước)	210	42,94%	1.213	1,33%	861	0,75%
3	Phụ phẩm (*)	0	0,00%	0	0,00%	0	0,00%
4	Thức ăn viên (đại lý phân phối)	21	4,29%	1.369	1,51%	3.033	2,66%
5	Hàng nhận ủy thác, mua xuất khẩu	(1.701)	-347,85%	1.929	2,12%	2.476	2,17%
6	Hàng GTGT và hàng khác	309	63,19%	4.103	4,51%	1.260	1,10%
Tổng Lợi nhuận		489	100,00%	90.868	100,00%	114.210	100,00%

Nguồn: Công ty Vĩnh Hoàn

Có thể nhận thấy, phần lớn doanh thu và lợi nhuận của Vĩnh Hoàn chủ yếu là từ sản phẩm cá Tra phi lê xuất khẩu. Doanh thu của Công ty tăng trưởng với tốc độ rất cao: năm 2006 (đạt 1.516 tỷ đồng) tăng gấp 3 lần so với năm 2005 (đạt 507 tỷ). Lợi nhuận tăng từ 489 triệu đồng trong năm lên hơn 90,8 tỷ đồng trong năm 2006 đánh dấu bước phát triển mạnh trong tất cả các hoạt động sản xuất, kinh doanh của Vĩnh Hoàn trước khi chính thức chuyển sang hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần.

d) Kim ngạch xuất khẩu:

Kim ngạch xuất khẩu 6 tháng đầu năm 2007 của Công ty đạt gần 29 triệu USD. Đứng thứ 11 trong các doanh nghiệp xuất khẩu thủy sản Việt Nam và thứ 4 trong ngành hàng chế biến xuất khẩu cá Tra, Basa của Việt Nam (theo thống kê của Trung tâm thương mại Bộ Thủy sản).

Các doanh nghiệp có doanh số đứng đầu trong năm 2006 và 6 tháng đầu năm 2007 về xuất khẩu sản phẩm cá tra, basa fillet đông lạnh:

ST T	TOP 10 DN XK CÁ TRA, BASA NĂM 2006		TOP 10 DN XK CÁ TRA, BASA TRONG 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2007	
	Tên doanh nghiệp	Giá trị XK	Tên doanh nghiệp	Giá trị XK
1	Cty CP Nam Việt	111,537	Cty CP Nam Việt	89,878
2	Cty CP XNK Thủy sản An Giang (Agifish)	55,435	Cty TNHH Hùng Vương	34,510
3	Cty CP Vĩnh Hoàn	53,703	Cty CP Vĩnh Hoàn	28,900
4	Cty TNHH Hùng Vương	48,130	Cty CP XNK Thủy sản An Giang	25,736
5	Cty CP XNK thủy sản Cần Thơ (Caseamex)	29,618	XN XNK Thủy sản Cửu Long An Giang	13,252
6	Cty TNHH Thanh Thiên	29,151	Cty TNHH Thuận Hưng	11,838
7	Cty TNHH Thuận Hưng (Thufico)	25,900	Cty XNK Thủy sản Sa Đéc	11,305
8	Cty CP Thực phẩm XK Vạn Đức	24,841	Cty CP XNK thủy sản Cần Thơ (Caseamex)	11.615
9	Cty TNHH thực phẩm Q.V.D	22,552	Cty CP Thực phẩm XK Vạn Đức	11,510
10	Công ty XNK Thủy sản Sa Đéc (Docifish)	21,477	Cty TNHH Việt An	10,130

Nguồn: Thông tin thương mại - Bộ Thương Mại chuyên ngành thủy sản

Giá trị doanh thu xuất khẩu của Vĩnh Hoàn hiện chiếm tương đương 5,7% thị phần xuất khẩu cá Tra, Basa (cá da trơn) của cả nước (tổng giá trị xuất khẩu cá da trơn của Việt Nam 6 tháng đầu năm 2007 là 461,4 triệu USD).

Sản phẩm của Vĩnh Hoàn xuất khẩu vào thị trường Mỹ đạt giá trị 14,44 triệu USD, chiếm khoảng 70% giá trị sản phẩm cá Tra, Basa (cá da trơn) đông lạnh của Việt Nam nhập khẩu vào thị trường này.

6.3. Nguyên vật liệu.

a) Nguồn nguyên vật liệu.

a.1. Cá nguyên liệu:

Cá Tra, Basa là nguyên liệu chính cho hoạt động sản xuất của Công ty. Đây là những loại cá nước ngọt có các đặc tính sinh học nổi bật là dễ nuôi, ít bệnh, sinh sản nhiều, thích hợp với điều kiện môi trường vùng nước tại khu vực Đồng Bằng sông Cửu Long. Đây là một trong những loài cá có giá trị xuất khẩu cao. Cá Basa Việt Nam được nhiều thị trường ưa chuộng vì màu sắc cơ thịt trắng, thịt cá thơm ngon hơn so với các loài cá da trơn (catfish) khác.

Là đặc sản của sông Mekong, cá Tra (có tên khoa học là *Pangasius Hypophthalmus*) và cá Basa (với tên *Pangasius Bocourti*) là loại cá da trơn, thường hay được gọi với tên cá bưng do phần bụng cá to và nhiều mỡ sống ở vùng hạ lưu sông Mêkông.

- Hình thức nuôi : Nuôi thâm canh, bán thâm canh với các mô hình nuôi bè, nuôi trong ao hồ. Ngoài ra, trong các năm gần đây đã phát triển nuôi còng và đăng quần cũng cho hiệu quả cao.
- Hình thức khai thác : Lưới, rùng, đăng, vó

- Mùa sinh sản : Cá Basa (từ tháng 1 – 7), cá Tra (từ tháng 2 – 10)
- Mùa thu hoạch : Quanh năm (cá Tra thu hoạch sau khoảng 3 tháng nuôi thả, cá Basa thu hoạch sau tháng nuôi thả).
- Kích thước thu hoạch : 30-40cm, lớn nhất 90cm.
- Thành phần dinh dưỡng tính trên 100g ăn được:

Loài	Calo	Calo từ chất béo	Tổng lượng chất béo	Chất béo bão hòa	Cholesterol	Natri	Protien
Cá Tra	124,5 cal	30.84	3,42g	1,64g	25,2mg	70,6mg	23,42g
Ca Basa	170 cal	60	7g	2g	22mg	70,6mg	28g

Nguồn: www.fistenet.gov.vn



Đặc tính của cá tra:

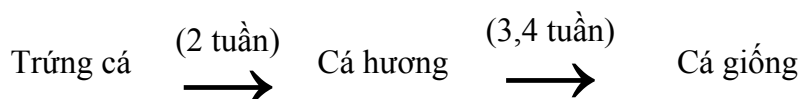
Cá tra là cá da trơn (không vảy) sống trong nước ngọt (có thể sống trong vùng nước lợ nồng độ muối từ 7 - 10), cá có thân dài, lưng xám đen bụng hơi bạc, có đôi râu dài

Đặc tính của cá basa:

Cá ba sa (còn gọi là cá bưng) cũng là cá da trơn, có thân dài, chiều dài chuẩn bằng 2,5 lần chiều cao thân. Đầu cá ba sa ngắn, hơi tròn, dẹp bằng, trán rộng. Miệng hẹp, chiều rộng của miệng ít hơn 10% chiều dài chuẩn, miệng nằm hơi lệch dưới mõm

a.2. Cá giống:

Vinh Hoàn hiện đang triển khai một số dự án nuôi cá nguyên liệu, vì vậy cá giống là một phần không thể thiếu trong quá trình nuôi. Quy trình nuôi cá giống được phân thành nhiều giai đoạn như sau:



Hiện tại, Vinh Hoàn đang triển khai nuôi cá từ giai đoạn cá hương (cá lớn được 2 tuần), đây là giai đoạn cá vừa đủ lớn, dễ nuôi thả. Đồng thời cá trong giai đoạn này rất dễ kiểm soát về thức ăn, giúp Công ty đảm bảo an toàn vệ sinh nguồn nguyên liệu.

b) Sự ổn định của các nguồn cung ứng nguyên vật liệu.

Từ những năm 50 của thế kỷ trước, nghề nuôi cá tra, cá ba sa đã xuất hiện tại ĐBSCL. Đến những năm cuối thập niên 90, thời điểm mà các doanh nghiệp chế biến cá Tra, Basa đã tìm được thị trường xuất khẩu cũng như các cơ quan nghiên cứu đã thành công trong việc hoàn thiện quy trình sản xuất con giống và nuôi thâm canh đạt năng suất cao, thì việc nuôi cá Tra, Ba sa ở ĐBSCL bắt đầu phát triển mạnh mẽ.

Đến cuối năm 2006, diện tích nuôi cá Tra, Ba sa toàn vùng ĐBSCL đã đạt gần 5.000 ha (tăng gấp 4,5 lần so với năm 1997); đạt giá trị sản lượng 800.000 tấn. Bước phát triển này cũng kéo theo sự phát triển của ngành công nghiệp chế biến cá Tra, Basa xuất khẩu ở ĐBSCL.

Từ năm 1990 trở lại đây, nghề nuôi thả cá bè, cá hầm trở thành nghề phổ biến trong các hộ gia đình trên dọc hai bên bờ sông Tiền và sông Hậu, nhất là ở hai tỉnh An Giang và Đồng Tháp, vốn nằm ở vị trí tại đầu nguồn, điều kiện tự nhiên thuận lợi cho việc nuôi cá nguyên liệu. Hiện nay, chỉ riêng tại tỉnh An Giang, sản lượng cá tra, cá basa nguyên liệu hằng năm đã lên đến trên 350.000 tấn, đủ khả năng cung cấp cho hầu hết các doanh nghiệp sản xuất thủy sản trên địa bàn, đảm bảo tính ổn định cao của nguồn nguyên liệu.

Hiện tại, Công ty đang tự cung cấp khoảng 30% (70% nguồn nguyên liệu được thu mua từ các nhà cung cấp tập trung ở ĐBSCL như Đồng Tháp (47%), Cần Thơ (33%) và An Giang (20%)) toàn bộ nguyên liệu từ các dự án nuôi của mình và dự kiến trong các năm sắp tới, sau khi triển khai toàn bộ các dự án nuôi thả cá nguyên liệu của mình, tỷ lệ này sẽ tăng lên tới 60% tổng nhu cầu nguyên liệu của Công ty.

Công ty thường xuyên cử cán bộ hướng dẫn, giám sát việc nuôi thả, đồng thời kiểm tra nghiêm ngặt nguồn thức ăn, đảm bảo những sản phẩm mà Công ty cung cấp cho khách hàng luôn đạt tiêu chuẩn vệ sinh thực phẩm theo tiêu chuẩn quốc tế. Ngoài ra, Công ty đã thành lập Trung tâm dịch vụ thú y thủy sản nhằm hỗ trợ cho các nhà cung cấp nguyên liệu việc nuôi, chăm sóc và chữa bệnh đúng cách, hiệu quả, ít tốn kém và không dùng phải các loại thuốc có chứa hoạt chất, hoá chất nằm trong danh mục cấm sử dụng.

c) Ảnh hưởng của giá cả nguyên vật liệu đến doanh thu và lợi nhuận.

Những năm vừa qua, giá cá Tra, Basa nguyên liệu có nhiều biến động, chủ yếu do các nguyên nhân sau:

Thứ nhất, từ khi Mỹ bắt đầu đánh thuế chống bán phá giá đối với cá Tra, Basa, thị trường xuất khẩu các sản phẩm này bị thu hẹp (chỉ riêng Vĩnh Hoàn - với việc được giảm mức thuế chống bán phá giá thấp nhất vẫn duy trì việc xuất khẩu vào thị trường Mỹ - hầu hết các doanh nghiệp khác đều không xuất khẩu vào thị trường này) dẫn đến việc giá cá nguyên liệu giảm. Tuy nhiên, sau sự kiện này, các doanh nghiệp chế biến cá Tra, Basa đã chủ động tìm kiếm các thị trường khác như Nga, EU, Trung Quốc, Nhật Bản, Úc... Nhờ đó, giá cá nguyên liệu đã ổn định trở lại.

Thứ hai, các tiêu chuẩn về an toàn vệ sinh thực phẩm do các quốc gia nhập khẩu cá Tra, Basa đưa ra ngày càng nghiêm ngặt. Việc các quốc gia này thường xuyên bổ sung danh mục những hoạt chất cấm sử dụng và dư chất kháng sinh tối thiểu trong sản phẩm làm cho các doanh nghiệp xuất khẩu gặp khá nhiều khó khăn. Điều này xảy ra đồng nghĩa với việc các sản phẩm không đạt tiêu chuẩn sẽ bị trả về, doanh nghiệp phải thay đổi nguồn cá

nguyên liệu hoặc kết hợp với người nuôi dùng thuốc chữa bệnh, thay đổi thức ăn.... Và hậu quả là giá cá nguyên liệu sẽ tăng.

Thứ ba, sự cạnh tranh gay gắt trong thu mua nguyên liệu giữa các doanh nghiệp trong cùng ngành để hoàn tất các đơn hàng xuất khẩu vào những thời điểm nhất định cũng là nguyên nhân làm tăng giá nguyên liệu, mặc dù không thường xuyên.

Thứ tư, hiện tại rất nhiều các doanh nghiệp chế biến xuất khẩu sản phẩm này không ngừng tăng công suất, xây dựng nhà máy mới dẫn đến tình trạng khan hiếm nguồn nguyên liệu, diện tích và sản lượng nuôi thả chưa phát triển đồng bộ dẫn đến thiếu nguyên liệu cung cấp cho các nhà máy.

Cá nguyên liệu chiếm tỷ trọng cao trong cơ cấu giá thành của từng loại sản phẩm của Công ty, vì vậy mỗi biến động về giá cá nguyên liệu sẽ ảnh hưởng lớn đến lợi nhuận của Công ty.

6.4. Chi phí sản xuất.



Tỷ trọng các khoản mục chi phí của Công ty so với doanh thu thuần:

STT	YẾU TỐ CHI PHÍ	NĂM 2005		NĂM 2006		9 THÁNG ĐẦU NĂM 2007	
		Giá trị (triệu đồng)	% Doanh thu	Giá trị (triệu đồng)	% Doanh thu	Giá trị (triệu đồng)	% Doanh thu
1	Giá vốn hàng bán	465.609	91,83%	1.367.578	90,19%	1.128.945	87,10%
2	Chi phí bán hàng	29.856	5,89%	39.990	2,64%	18.997	1,47%
3	Chi phí quản lý DN	4.646	0,92%	10.098	0,67%	16.564	1,28%
4	Chi phí hoạt động tài chính	7.217	1,42%	9.272	0,61%	35.759	2,76%
TỔNG CỘNG		507.328	100,06%	1.426.939	94,11%	1.200.265	92,60%

Nguồn: Báo cáo kiểm toán năm 2005, 2006 và Vĩnh Hoàn 9 tháng đầu năm 2007

- Giá vốn hàng bán: So với năm 2005, tỷ trọng giá vốn hàng bán/doanh thu năm 2006 đã giảm từ 91,83% xuống còn 90,19% do Công ty kiểm soát chặt chẽ chi phí nguyên liệu đầu vào. Công ty đã thực hiện nhiều biện pháp cùng lúc để giảm chi phí sản xuất, tận dụng nguyên vật liệu để tránh hao phí và tối đa hoá năng suất của thiết bị, xây dựng phương án tồn kho nguyên vật liệu, thành phẩm hợp lý. Tiếp tục những yếu tố tích cực trong quản lý chi phí về giá vốn hàng bán, trong 9 tháng đầu năm 2007, mặc dù giá nguyên liệu trên thị trường không ngừng tăng cao nhưng Công ty vẫn duy trì tỷ lệ giá vốn hàng bán đạt 88,46% (giảm hơn 1,73% so với năm 2006). Có được sự ổn định này là do

Công ty có chính sách điều chỉnh giá bán sản phẩm theo giá nguyên liệu trên thị trường và được thống nhất với các đối tác nhập khẩu sản phẩm của Vĩnh Hoàn. Trong trường hợp ngược lại, giá nguyên liệu giảm, Công ty cũng chủ động hạ giá bán sản phẩm của mình nhằm bảo đảm lợi ích chung trong hoạt động kinh doanh với các đối tác lớn, có quan hệ lâu dài trong kinh doanh.

- Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp: Tỷ trọng chi phí bán hàng/doanh thu, chi phí quản lý doanh nghiệp/doanh thu trong năm 2006 giảm mạnh so với tốc độ tăng trưởng về doanh thu của năm 2006 so với năm 2005. Tỷ lệ về chi phí bán hàng năm 2006 là 2,64% giảm hơn 2 lần so với tỷ lệ 5,89% của năm 2005, tỷ lệ về chi phí quản lý doanh nghiệp năm từ 0,92% trong năm 2005 xuống còn 0,67% ở năm 2006. Trong 9 tháng đầu năm 2007, tỷ lệ này tiếp tục giảm xuống còn 1,47% về chi phí bán hàng và 1,28% đối với chi phí quản lý doanh nghiệp.
- Chi phí hoạt động tài chính: So với năm 2005, tỷ trọng chi phí hoạt động tài chính/doanh thu năm 2006 đã giảm từ 1,42% xuống còn 0,61%, và tăng lên 2,76% trong 9 tháng đầu năm 2007. Tất cả các yếu tố trên cho thấy Công ty đang kiểm soát rất tốt các khoản chi phí tại đơn vị cả về chi phí nguyên liệu đầu vào, chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp. Bên cạnh đó, Công ty đã nỗ lực thực hiện tốt các biện pháp tiết kiệm, cắt giảm chi phí một cách hợp lý nhằm mang lại hiệu quả hoạt động cho Công ty, thể hiện được tính hiệu quả trong hoạt động điều hành.

6.5. Trình độ công nghệ.

a) Trình độ công nghệ

Vĩnh Hoàn là một trong những doanh nghiệp chế biến xuất khẩu thủy sản đầu tiên đạt tiêu chuẩn BRC, IFS, HACCP. Sản phẩm của Công ty được cấp mã chứng nhận tiêu thụ tại các thị trường Mỹ, EU, Úc... Sản phẩm của Công ty luôn đảm bảo chất lượng tốt nhất cho sản phẩm, tạo được uy tín cao, đáp ứng nhu cầu ngày càng khắt khe của thị trường.

Công ty hiện đang sở hữu hệ thống máy móc sản xuất đồng bộ với số lượng dây chuyền, băng tải chuyên, hệ thống làm lạnh, hiện đại và có công suất cao. Máy móc thiết bị thuộc thế hệ hiện đại từ các nước phát triển như: máy nén lạnh Mycom (Nhật Bản), máy cấp đông Jackstone (Anh), Gunner (Đức) công suất cao, máy mạ băng tái đông,... và được cung cấp bởi các nhà sản xuất thiết bị chuyên dùng chế biến, và bảo quản hàng đông lạnh hàng đầu thế giới.

Máy móc, thiết bị, nhà xưởng, kho lạnh của Công ty hiện có thuộc thế hệ hiện đại, công suất lớn đảm bảo cho Công ty sản xuất, chế biến những sản phẩm có tiêu chuẩn chất lượng cao nhất, đáp ứng nhu cầu khắt khe nhất của khách hàng về chất lượng cũng như an toàn vệ sinh thực phẩm, đảm bảo khả năng cạnh tranh.

Với 2 xí nghiệp (nhà máy) sản xuất chính, tổng công suất chế biến thiết kế tương đương từ 250 tấn cá/ngày. Tại xí nghiệp 1 (xây dựng từ năm 2000), hệ thống máy móc thiết bị của Công ty hoạt động 95-100% công suất thiết kế với 2 ca làm việc.



Ngoài ra, hằng năm Công ty vẫn duy trì việc duy tu, bảo dưỡng định kỳ đảm bảo cho các máy móc thiết bị hoạt động tốt, phòng tránh những trục trặc trong quá trình sản xuất của Công ty.

Danh mục TSCĐ có giá trị lớn của Công ty thời điểm 30/06/2007.
Đơn vị tính: đồng

STT	TÊN TÀI SẢN	SỐ LƯỢNG	NĂM SỬ DỤNG	NGUYÊN GIÁ	GIÁ TRỊ CÒN LẠI
Nhà cửa vật kiến trúc					
1	Công trình bờ kè	1	2005	236.161.462	6.383.204
2	Phân xưởng chế biến 1 (Nâng cấp, cải tạo)	1	2005,2006	10.926.582.174	5.471.155.476
3	Công trình khuôn viên (tường rào bảo vệ, cổng trước và cổng sau)	1	2006	761.916.664	261.814.655
4	Kho vật tư	1	2004	547.279.847	237.154.593
5	Nhà xe Công nhân viên	1	2004	366.615.304	165.075.022
6	Khu văn phòng làm việc, hội trường	1	2006	2.656.080.000	2.308.260.000
7	Khu nhà ăn, căn tin	1	2006	2.519.400.000	2.189.478.573
8	Hệ thống thoát nước mưa	1	2006	881.818.182	720.151.512
9	Nhà máy xay xát Trần Quốc Toàn	1	2006	5.400.000.000	3.900.000.000
10	Công trình cầu cảng lên cá	1	2007	458.209.273	441.912.094
Máy móc thiết bị					
11	Hệ thống nước giếng 40m ³ /h - mới	HT	2004	1.301.394.083	563.937.449
12	Thiết bị đông lạnh tiếp xúc Sandvik	1	2003	2.515.090.000	-
13	Băng chuyền phẳng động siêu tốc-200kg/hz	1	2003	1.190.476.190	-
14	Băng tải chuyển cá vụn và sửa cá	1	2005	675.000.000	360.000.000
15	Nâng công suất trạm biến áp 560 KVA lên 1.250 KVA		2007	642.372.439	429.045.384
16	Trạm biến áp 1.600 KV	1	2005	546.011.818	254.805.514
17	Dàn ngưng tụ bốc hơi Baltimore VXC380	1	2004	513.427.200	-
18	Hệ Thống khung Kệ Kho- vật tư+ cầu thang di động	HT	2004	227.013.671	43.678.514
19	Cối đá vẩy North Star	1	2003	688.160.000	-
20	Máy đá vẩy -10tấn/ngày	1	2004	294.518.700	-
21	Thi công lắp đặt và cung cấp thiết bị phụ máy đá vẩy North Star	1	2005	630.556.000	105.092.680
22	Máy Hút & dán bao nylon chân không dạng băng tải	1	2000	275.184.000	-
23	Máy đóng gói hút chân không hai ngăn	1	2003	201.500.000	-
24	Máy kiểm tra độ dư lượng kháng sinh (cloram)	1	2002	232.419.243	-
25	Máy lạng da cá CRETFL (lột da cá	1	2001	208.142.500	-

STT	TÊN TÀI SẢN	SỐ LƯỢNG	NĂM SỬ DỤNG	NGUYÊN GIÁ	GIÁ TRỊ CÒN LẠI
26	Máy lạnh da Collum/Jet -2 MÁY	2	2001	301.790.000	-
27	Máy lạnh da Collum/Jet -2 MÁY	2	2004	374.911.883	31.242.656
28	Máy nén Mycom 6B của Nhật	1	2003	204.854.569	-
29	Máy nén lạnh MYCOM F62 WB	1	2004	343.229.554	38.136.626
30	Máy phát điện 270 KVA	1	2000	270.793.358	-
31	Máy phát điện CATERPILLAR 1825KVA	1	2004	2.630.196.059	-
32	Tủ Đông Tiếp Xúc 1.200 Kg/mẻ	1	2000	1.452.563.786	-
33	Tủ Cấp Đông tiếp xúc 1200 Kg	1	2002	1.517.409.929	-
34	Tủ Đông Tiếp Xúc 1.200 Kg/mẻ	1	2003	1.537.521.429	-
35	Tủ đông tiếp xúc kiểu năm ngang Jackstone 1500kg/mẻ	1	2004	944.961.300	-
36	Hệ thống điều hoà trung tâm	1	2000	1.121.274.299	-
37	Xe nâng hàng trong kho lạnh	3	2005	1.439.081.385	939.400.360
38	Hệ thống xử lý nước thải	1	2007	2.970.883.116	2.001.740.268
39	Máy lạnh da Cretel	2	2005	292.873.600	199.316.753
40	HT điều hoà nhiệt độ Hitachi & cụm máy ĐH nhiệt Độ Bock	1	2005	1.151.999.150	783.999.426
41	Cụm máy làm lạnh nước Hitachi (Sumer.Co)	1	2005	410.998.720	285.415.778
42	Dàn Lạnh Guntner	1	2005	383.183.454	266.099.621
43	Băng chuyền fillet cá, phân cỡ cá...	1	2005	2.375.562.000	1.616.701.909
44	Hệ thống Panel kho lạnh	1	2005	2.868.437.137	1.991.970.234
45	Tấm Inox phẳng siêu tốc	1	2005	598.656.470	415.733.660
46	Thiết bị lạnh	1	2005	1.860.009.305	1.291.673.128
47	Hệ thống IQF đôi 2x500 kg/h tấm inox phẳng siêu tốc	1	2005	2.706.999.692	1.879.860.897
48	Hệ thống IQF đôi 2x500 kg/h tấm inox phẳng siêu tốc	1	2005	1.291.442.313	825.088.139
49	Máy nén lạnh York sabroe Srew	1	2004	2.189.844.800	-
50	Thiết bị lạnh	1	2005	688.314.990	477.996.521
51	Thiết bị lạnh	1	2005	1.325.743.310	920.655.076
52	Hệ thống lạnh	1	2005	1.336.300.160	853.747.336
53	Hệ thống lạnh cho kho lạnh	1	2005	503.543.917	349.683.276
54	Máy nén cho hệ thống lạnh	4	2005	2.468.948.880	1.714.547.833
55	Máy đông lạnh - Thermoking TS500	1	2005	475.200.000	330.000.000

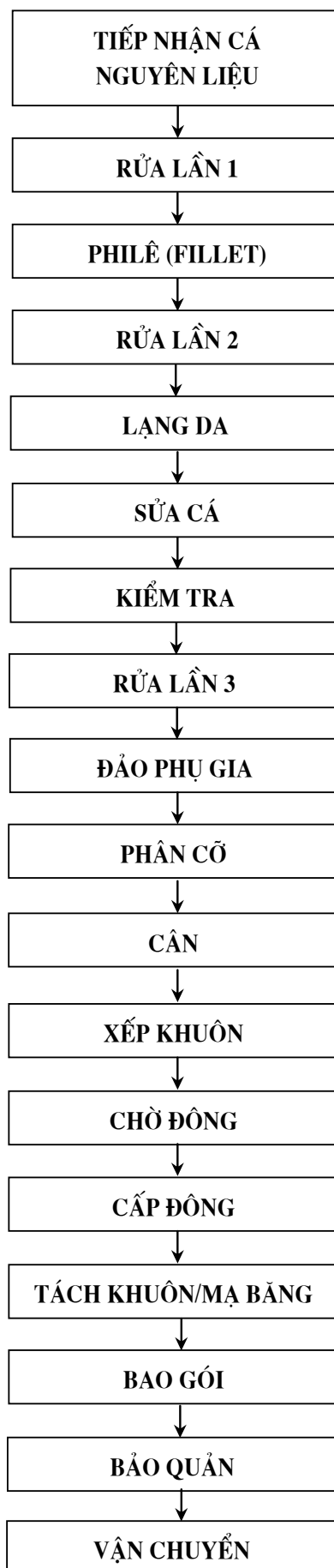


STT	TÊN TÀI SẢN	SỐ LƯỢNG	NĂM SỬ DỤNG	NGUYÊN GIÁ	GIÁ TRỊ CÒN LẠI
56	Hệ thống kệ cho kho lạnh - Asiatic	1	2005	610.759.980	424.138.875
57	Máy đông lạnh - Thermoking TS500	3	2006	837.742.500	663.212.805
58	Máy đóng gói hút chân không -J-VO13A	2	2006	201.000.000	175.874.997
59	Máy dò kim loại + phụ tùng + còi phát tín hiệu	2	2006	304.096.000	266.084.005
60	Giếng Khoan (giếng 5)	1	2007	380.548.411	338.265.251
61	Xe nâng hàng trong kho lạnh	1	2007	412.852.900	364.686.726
62	Máy kiểm Malachite (HPLC)	1	2007	696.827.227	638.758.291
63	Máy lạng da Cretel	1	2007	492.646.800	451.815.824
64	Hệ thống băng tải sửa cá XN2	1	2007	630.400.000	1.514.940.003
65	Hệ thống tủ đông băng chuyền XN2	1	2007	12.003.280.012	11.858.688.674
66	Hệ thống làm lạnh nước	1	2007	761.238.081	752.175.722
67	Hệ thống máy đá vảy + kho 100T+ hệ thống điều hoà không khí XN2	1	2007	5.341.076.049	5.341.076.049
Phương tiện vận tải - truyền dẫn					
74	Xe Toyota Corolla 4 chỗ	1	2001	381.243.810	10.590.102
75	Xe TOYOTA - ZACE	1	2003	230.745.902	0
76	Xe Mercedes 16 chỗ Sprinter	1	2005	509.939.246	356.957.477
77	Xe Ford Everest dầu 7 chỗ	1	2006	489.698.416	399.920.376
78	Xe Ford Everest dầu 7 chỗ	1	2006	452.177.273	384.350.681
79	Xe Toyota Camry 2.4G	1	2007	779.868.165	725.710.655
Quyền sử dụng đất					
80	Quyền sử dụng đất Nhà máy Vĩnh Hoàn (17,2 ha)	1		3.886.411.100	3.886.411.100
81	Quyền sử dụng đất Nhà máy xay xát (21,6 ha)	1	2006	7.282.656.750	7.282.656.750
82	Đất nhà máy thức ăn Thanh Bình (6 ha) và đường đi.	1	2007	8.997.370.545	8.997.370.545
83	Đất Cồn Ngâm -Mỹ Xương - Huyện Cao Lãnh - Đồng Tháp (86,7 ha)	1		3.521.442.300	3.521.442.300
84	Đất Cồn Tân Thạnh - Thanh Bình (91,5 ha)	1		4.599.624.000	4.599.624.000
Phần mềm máy vi tính					
85	Phần mềm kế toán Accnet 2000	1	2003	88.130.596	24.970.347
86	Phần mềm Cos	1	2007	285.577.864	257.020.078

Nguồn: Công ty Vĩnh Hoàn

b) Quy trình sản xuất, chế biến sản phẩm.

b.1. Quy trình sản xuất, chế biến sản phẩm của Công ty:



b.2. Bảng mô tả quy trình công nghệ chế biến theo tiêu chuẩn của từng công đoạn sản xuất

S T T	CÔNG ĐOẠN	THUYẾT MINH
1	Tiếp nhận nguyên liệu	- Các loại cá nước ngọt: Cá tra, basa, lóc bông, rô phi được thu mua từ vùng nuôi, vận chuyển bằng ghe đục. - Chỉ nhận nguyên liệu (NL) đạt yêu cầu của xí nghiệp: NL có trọng lượng tùy theo yêu cầu của từng lô hàng, cá sống hoặc tươi, không khuyết tật, không xay xát, không bệnh và có giấy cam kết của người nuôi về việc sử dụng thuốc kháng sinh theo qui định (loại hóa chất, kháng sinh không nằm trong danh mục cấm và ngưng sử dụng 4 tuần trước khi thu hoạch), kết quả kiểm các chỉ tiêu: Chloramphenicol, Nitrofurantoin (AOZ, AMOZ) là không phát hiện (LOD = 0,2 ppb), kết quả Malachite green, Leucomalachite green là không phát hiện (LOD = 0.5ppb), Enprofloxacin, Ciprofloxacin tại nhà máy là không phát hiện (LOD = 5 ppb) (đối với NL sản xuất cho thị trường Mỹ và Bắc Mỹ).
2	Rửa lần 1	- Nguyên liệu cá sau khi tiếp nhận xong được cắt tiết và chuyển qua máy rửa 1. Sau đó nguyên liệu chuyển qua băng tải fillet (thành phẩm là fillet, cắt topsol, cắt portion, cắt strip).
3	Fillet	- Fillet trên thớt nhựa đặt trên băng tải bằng dao inox, loại bỏ xương trên miếng fillet, cho miếng cá fillet vào rổ được chạy sang máy rửa 2
4	Rửa lần 2	- Các miếng fillet được cho vào máy rửa, nhiệt độ nước rửa $\leq 20^{\circ}\text{C}$, rửa sạch máu, nhớt và tạp chất còn dính trên miếng fillet. Thời gian rửa 1 -2 phút, cho cá fillet vào rổ và chuyển sang máy lạnh da.
5	Lạnh da	- Dùng máy lạnh da để loại lạnh bỏ phần da trên miếng fillet. Sau đó chuyển sang công đoạn cân và tải đến băng tải sửa cá
6	Sửa cá	- Dùng dao inox lạnh bỏ phần thịt đỏ, xương, mỡ và da (nếu có) còn sót lại trên miếng fillet, cho rổ cá chuyển đến công đoạn kiểm tra ở cuối mỗi băng tải.
7	Kiểm tra	- Để từng miếng cá lên bàn soi, dùng mắt và tay kiểm tra từng miếng fillet để phát hiện ký sinh trùng, xương, thịt đỏ còn sót lại. Chỉ chấp nhận miếng fillet còn nguyên vẹn, không có vết bầm hay chấm đỏ, thịt săn chắc.
8	Rửa lần 3	- Sau khi kiểm tra soi ký sinh trùng xong, miếng fillet được cho vào rổ và chuyển qua máy rửa, nhiệt độ nước rửa $\leq 10^{\circ}\text{C}$. Thời gian rửa từ 30 - 50 giây.

S T T	CÔNG ĐOẠN	THUYẾT MINH
9	Đảo phụ gia	- Bán thành phẩm fillet được đảo trong dung dịch phụ gia (Non Phosphat hoặc Phosphat và muối) theo tỉ lệ 1 dung dịch : 3 cá. Nồng độ hoá chất trong dung dịch tùy theo yêu cầu của khách hàng & thị trường. Thời gian đảo trộn phụ gia từ 5 - 10 phút
10	Phân cỡ	- Các miếng fillet được phân thành các cỡ sau: 60-120, 120-170, 170-220, 220-up grs/miếng hoặc các size: 2-3, 3-4, 4-6, 6-8, 8-10, 10-up oz/miếng hoặc 2-3, 3-5, 5-7, 7-9, 9-11, 11-up oz/ miếng hoặc theo yêu cầu của khách hàng.
11	Cân	- Tùy sản phẩm mà cân trọng lượng khác nhau. Sản phẩm đông block: cân 5 kgs/rổ. - Sản phẩm đông IQF: cân 1 kg/rổ hoặc theo yêu cầu của khách hàng.
12	Xếp khuôn	- Tùy sản phẩm có định hình hoặc không và xếp trên khuôn có lót PE ở dưới hoặc xếp trên băng chuyền IQF: - Các miếng fillet trong mỗi rổ được xếp rời nhau và lớp này cách lớp kia bởi một miếng PE. Duy trì nhiệt độ BTP $\leq 10^{\circ}\text{C}$
13	Chờ đông	- Sản phẩm sau khi xếp khuôn xong nếu không được cấp đông ngay thì chuyển vào kho tiền đông hoặc giữ lạnh BTP trong xe inox (đ/v cấp đông băng chuyền). Nhiệt độ bảo quản từ -1°C đến 4°C , thời gian chờ đông không quá 4 giờ.
14	Cấp đông	- Sản phẩm được cấp đông trong tủ đông tiếp xúc hoặc băng chuyền IQF, nhiệt độ tủ đông trước khi nhập sản phẩm vào phải đạt từ -5°C đến 0°C . Thời gian cấp đông không quá 4 giờ, nhiệt độ trung tâm sản phẩm $\leq -18^{\circ}\text{C}$.
15	Tách khuôn/ mạ băng	- Sau khi nhiệt độ sản phẩm đạt $\leq -18^{\circ}\text{C}$, cho tiến hành rã đông và sản phẩm phải được tách ra khỏi khuôn, tùy theo sản phẩm và yêu cầu của khách hàng mà có mạ băng hoặc không, nhiệt độ nước mạ băng $\leq 4^{\circ}\text{C}$
16	Bao gói	- Sản phẩm sau khi tách khuôn/mạ băng được bao gói nhỏ và kiểm tra qua máy dò kim loại, sau đó được đóng vào thùng carton. Tùy theo sản phẩm mà cách bao gói khác nhau. - Bao bì có ghi tên sản phẩm, chủng loại, kích cỡ, trọng lượng.
17	Bảo quản	- Sản phẩm bao gói hoàn chỉnh được xếp đặt ngăn nắp trong kho thành phẩm và bảo quản ở nhiệt độ $\leq -18^{\circ}\text{C}$
18	Vận chuyển	- Trong suốt quá trình vận chuyển nhiệt độ xe phải đảm bảo $-18 \pm 3^{\circ}\text{C}$.

b.3. Quy trình thu mua nguyên liệu:

Công ty có Phòng thu mua nguyên liệu phụ trách liên hệ và lập các hợp đồng thu mua với các nhà cung cấp nguyên liệu cho Công ty. Bên cạnh đó, Vĩnh Hoàn cũng có xí nghiệp nuôi đảm nhận chức năng tổ chức thực hiện nuôi các cung cấp nguyên liệu cho Công ty. Dựa trên số lượng sản phẩm của những đơn hàng, hợp đồng cung cấp sản phẩm, các bộ phận này có nhiệm vụ lên kế hoạch thu mua, lập danh sách các nhà cung cấp và lượng nguyên liệu tự khai thác. Bộ phận này kết hợp với phòng quản lý chất lượng (QC- Quality Control) sẽ thu thập, lấy mẫu kiểm nghiệm cá nguyên liệu để đánh giá các tiêu chuẩn như màu sắc thịt cá, dư lượng vi sinh, kháng sinh.

Toàn bộ quá trình thu mua cá nguyên liệu đến lúc ký kết hợp đồng thu mua đều được kiểm tra, đánh giá rất cẩn trọng của bộ phận QC để bảo đảm nguyên liệu khi đưa vào sản xuất chế biến luôn luôn đạt tiêu chuẩn về quy định an toàn thực phẩm. Nguyên liệu không đảm bảo chất lượng sẽ được trả lại trại nuôi theo quy định của các hợp đồng bao tiêu được thỏa thuận.

6.6. Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới.

Hiện nay, công tác nghiên cứu phát triển các sản phẩm giá trị gia tăng ngoài sản phẩm chính là thịt cá Tra, Basa phi lê đông lạnh do Bộ phận Nghiên cứu phát triển sản phẩm thuộc phòng Quản lý chất lượng đảm nhiệm, dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Tổng Giám đốc. Hiện tại, Vĩnh Hoàn đang triển khai chế biến và xuất khẩu một số sản phẩm giá trị gia tăng có giá trị dinh dưỡng (hơn 20 loại sản phẩm giá trị gia tăng), hình thức mẫu mã sản phẩm đa dạng nhằm tăng cao giá trị xuất khẩu trong tương lai. Đặc biệt, Vĩnh Hoàn là doanh nghiệp của Việt Nam có sản phẩm giá trị gia tăng được lọt vào vòng chung kết cuộc thi sản phẩm mới tại Hội chợ triển lãm European Seafood Exposition được tổ chức ở Brussels (Bỉ) diễn ra trong tháng 4/2007.

Bên cạnh đó, Công ty chuẩn bị triển khai sản xuất sản phẩm bột cá từ phụ phẩm cá Tra, Basa. Dự kiến sản phẩm mới này đem lại nguồn lợi nhuận rất cao cho Công ty.

MỘT SỐ SẢN PHẨM GIÁ TRỊ GIA TĂNG TỪ CÁ TRA, BASA**SẢN PHẨM VÀO VÒNG CHUNG KẾT TẠI EUROPEAN SEAFOOD
EXPOSITION 2007****6.7. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm.*****a) Hệ thống quản lý chất lượng đang áp dụng.***

Công ty có khoảng 90 cán bộ quản lý và QC được đào tạo cơ bản về HACCP, áp dụng nhuần nhuyễn hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn **ISO 9001-2000, ISO 14001** và một số tiêu chuẩn về an toàn thực phẩm **BRS, IFS, HACCP** (là tiêu chuẩn về an toàn thực phẩm cần thiết để xuất khẩu sản phẩm vào thị trường Mỹ, EU, Úc, Nga,...) và đã đạt được các điểm đánh giá cao trong các kỳ kiểm tra điều kiện sản xuất của các hệ thống phân phối như Cysco (Mỹ), Youngs (Anh).... Hiện nay, các hệ thống tiêu chuẩn này đang phát huy hết hiệu quả, có ý nghĩa hết sức thiết thực, giúp doanh nghiệp kiểm soát các mối nguy từ nguyên liệu thu mua, sản xuất và chế biến cho tới khi thành phẩm nhập kho. Các chương trình quản lý chất lượng, kiểm soát an toàn vệ sinh thực phẩm của Vĩnh Hoàn gồm có: các

yêu cầu về thiết kế nhà xưởng, thiết bị; hành vi vệ sinh, vệ sinh cá nhân; vệ sinh nhà xưởng, khử trùng; kiểm soát côn trùng; kho tàng v.v...

Trong quy trình kiểm tra chất lượng sản phẩm, Vĩnh Hoàn đang áp dụng quy trình “Nhận diện - Truy vết và thu hồi sản phẩm”. Quy trình này được Công ty giới thiệu và trình bày tại Hội chợ Brusses (Bỉ) cho hệ thống siêu thị tại Pháp và được đánh giá rất cao của các đối tác nước ngoài.

b) Bộ phận kiểm tra chất lượng sản phẩm.

Phòng quản lý chất lượng đảm trách việc theo dõi hoạt động sản xuất có liên quan đến chất lượng. Giám sát quy trình công nghệ, cập nhật và lưu trữ tài liệu sản xuất bằng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn HACCP, ISO, BRC, IFS. Trong tất cả các công đoạn sản xuất (từ lúc tiếp nhận nguyên liệu đến khi thành phẩm đưa vào kho lạnh bảo quản, sau đó vận chuyển cho khách hàng) đều có nhân viên kỹ thuật phụ trách về đảm bảo chất lượng giám sát.

6.8. Hoạt động Marketing.

a) Quảng bá thương hiệu.

Công ty có đội ngũ cán bộ kinh doanh trẻ, nhiệt tình, năng động, có trình độ chuyên môn cao đảm nhiệm việc giới thiệu, bán sản phẩm hàng và marketing.

Năm 2002, vụ kiện cá Tra, Basa của Hiệp hội các nhà nuôi cá catfish Mỹ - CFA đối với các doanh nghiệp xuất khẩu cá Tra, Basa của Việt Nam được đăng tải liên tục trên các thông tin đại chúng nhiều nước trên thế giới. Mặc dù vụ kiện này đã làm cho hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp xuất khẩu cá Tra, Basa Việt Nam bị ảnh hưởng lớn nhưng cũng nhờ đó mà thương hiệu cá Tra, Basa của Việt Nam được quảng bá rộng rãi trên khắp các nước trên thế giới. Đến nay, sản phẩm từ cá Tra, Basa đang được tiêu thụ tại rất nhiều nước trên thế giới. Và Vĩnh Hoàn không ngừng quảng bá sản phẩm của mình tới các thị trường khác như EU, Úc, Hồng Kông, Canada, Ba Lan...

Bằng chính sách bán hàng đúng đắn, hợp pháp, hệ thống sổ sách kế toán minh bạch, hiệu quả nên Vĩnh Hoàn đã quyết tâm đấu tranh để sau cùng đạt được mức thuế chống bán phá giá thấp nhất vào thị trường Mỹ. Đây có thể được xem là lợi thế lớn của Vĩnh Hoàn so với tất cả các doanh nghiệp trong ngành của Việt Nam. Với mức thuế này (6,81%), sản phẩm cá Tra, Basa phi lê của Công ty xuất khẩu vào Mỹ tăng lên nhanh chóng cả về khối lượng lẫn giá trị. Ngoài ra, thắng lợi này cũng giúp Công ty củng cố khẳng định uy tín trong hoạt động, có chính sách phát triển bền vững, khẳng định thương hiệu Vĩnh Hoàn là một trong những doanh nghiệp uy tín nhất trong ngành cá Việt Nam và cả trên thế giới.

Công ty không ngừng quảng bá thương hiệu của mình và giới thiệu sản phẩm thông qua các kênh như: quảng cáo trên các tạp chí chuyên ngành trong và ngoài nước (thông tin thương mại thủy sản của VASEP, Vietfish, International Seafood...); trên website

<http://www.intrafish.com>, tham gia các hội chợ thủy sản quốc tế (Vietfish, ở Mỹ (Boston), Bỉ (Brussels), Ba Lan, Tây Ban Nha, Đức...).

Nhận định khi gia nhập WTO, tình hình cạnh tranh sẽ ngày càng gay gắt, Vĩnh Hoàn lên kế hoạch marketing dài hạn với chiến lược cụ thể:

- Tăng cường hợp tác với đối tác của Công ty, đưa ra nhiều chính sách ưu đãi hợp lý theo từng đối tượng khách hàng.
- Giữ vững thị trường hiện tại, mở rộng thị phần ra các thị trường khác bên cạnh thị trường hiện nay của Vĩnh Hoàn bằng nhiều cách tiếp cận như tăng cường tham gia các hội chợ quốc tế, kết hợp với các nhà bán lẻ lớn trên thế giới, đưa hàng hoá vào các siêu thị...

b) Hệ thống phân phối.

THỊ TRƯỜNG	TỶ TRỌNG DOANH THU		
	NĂM 2005	NĂM 2006	9 THÁNG ĐẦU NĂM 2007
Mỹ	8,54%	45,14%	48,60%
Châu Âu	48,05%	33,25%	24,91%
Hongkong	23,15%	9,86%	10,08%
Úc	10,57%	7,76%	8,36%
Thị trường khác	9,69%	3,99%	8,05%

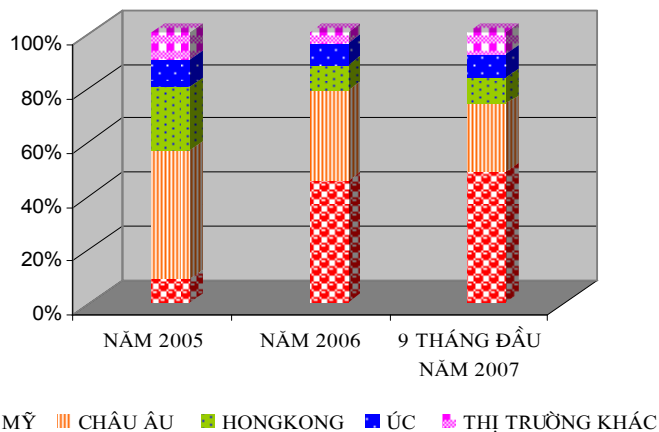
Nguồn: Vĩnh Hoàn

Thị trường tiêu thụ sản phẩm rộng khắp trên thế giới, tập trung tại các thị trường như Mỹ, các nước thuộc EU (Tây Ban Nha, Đức, Hà Lan...), Úc, Hongkong và một số nước khác. Trong đó, thị trường Mỹ và EU được xem là thị trường chính tiêu thụ sản phẩm của Công ty (đạt 80% kim ngạch xuất khẩu). Với nhu cầu

tiêu dùng không ngừng tăng trưởng của thị trường Mỹ (Trong 2 tháng đầu năm 2007, Mỹ đã nhập khẩu 5.104 tấn cá Tra philê đông lạnh với giá trị tới gần 17,5 triệu USD, tăng 217% về lượng và 302% về trị giá so với cùng kỳ 2006). Trong thời gian tới, Vĩnh Hoàn dự kiến sẽ không ngừng đẩy cao giá trị xuất khẩu vào thị trường Mỹ, thị trường mà Công ty đang chiếm ưu thế cạnh tranh so với các doanh nghiệp khác.

Hiện tại, Vĩnh Hoàn đang tiến hành triển khai thiết lập chi nhánh của mình tại thị trường Mỹ (đã được cấp giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài số 09/BKH-ĐTRNN ngày 01/12/2006 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư Việt Nam và chấp thuận thành lập chi nhánh công ty tại Bang California) để phân phối sản phẩm của Vĩnh Hoàn tại thị trường Mỹ.

TỶ TRỌNG DOANH THU THEO KHU VỰC CỦA VĨNH HOÀN



c) Giá bán.

Với chính sách chế biến xuất khẩu sản phẩm có chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu khắt khe nhất đối với sản phẩm cùng loại trên thị trường, sản phẩm của Vĩnh Hoàn thường có giá bán cao hơn các doanh nghiệp khác (thường vào khoảng 5-10%).

Việc kiểm soát chi phí sản xuất của Công ty được thực hiện rất tốt nên giá bán các sản phẩm của Công ty có khả năng cạnh tranh cao so với các doanh nghiệp chế biến xuất khẩu sản phẩm cùng loại trong và ngoài nước (Trung Quốc, Thái Lan).

Công ty có chính sách linh hoạt về giá đối với từng mặt hàng từng khách hàng nhằm phù hợp với tình hình thực tế từng nơi từng lúc. Công ty có chính sách giảm giá, cho trả chậm và những ưu đãi khác cho các khách hàng lớn có quan hệ hợp tác kinh doanh lâu năm của Công ty.

Giá bán sản phẩm theo hợp đồng của Vĩnh Hoàn với các đối tác hiện nay chủ yếu dựa trên nguyên tắc đảm bảo giao hàng tận nơi (giá CIF, CF).

Với chính sách hợp tác lâu dài trong kinh doanh với các nhà nhập khẩu, Công ty luôn chủ động hạ giá thành sản phẩm trong điều kiện giá nguyên liệu giảm so với thời điểm ký kết hợp đồng. Ngược lại, khi giá nguyên liệu biến động tăng, hợp đồng giao hàng cũng có thể điều chỉnh giá tăng lên theo sau khi được các bên thống nhất.

6.9. Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế, bản quyền.

Logo và nhãn hiệu Công ty:



Nhãn hiệu hàng hoá của Công ty được ghi nhận vào sổ đăng bạ nhãn hiệu hàng hoá quốc gia có hiệu lực trên toàn lãnh thổ nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam và được bảo hộ tổng thể theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hoá số 65837 và quyết định A848/QĐ-ĐK do Cục sở hữu trí tuệ Việt Nam cấp ngày 12/08/2005 có thời hạn 10 năm và có thể gia hạn.

6.10. Các hợp đồng lớn đang thực hiện.

Các hợp đồng có giá trị lớn của Công ty chủ yếu là các hợp đồng xuất khẩu bán sản phẩm cá Tra philê đông lạnh. Dưới đây là một số hợp đồng có giá trị lớn mà Vĩnh Hoàn đã và đang thực hiện:

STT	SỐ HỢP ĐỒNG	SẢN PHẨM	TRỊ GIÁ	ĐỐI TÁC
1	LA/VH/105/06	Bán cá tra fillet	129.228 USD	H & N FOODS INTERNATIONAL (Mỹ)
2	LA/VH/098/06	Bán cá tra fillet	407.160 USD	H & N FOODS INTERNATIONAL (Mỹ)
3	LA/VH/080/06	Bán cá tra fillet	327.600 USD	H & N FOODS INTERNATIONAL (Mỹ)
4	LA/VH/046/06	Bán cá tra fillet	332.640 USD	H & N FOODS INTERNATIONAL (Mỹ)
5	37/VH-SIMLOT/2006	Bán cá tra fillet	97.500 USD	SIMLOT AUSTRALIA PTY LIMITED (Úc)
6	29/VH-SIMLOT/2006	Bán cá tra fillet	51.750 USD	SIMLOT AUSTRALIA PTY LIMITED (Úc)
7	C6622	Bán cá tra fillet	78.408 USD	ANOVA FOOD B.V (Hà Lan)
8	C6611	Bán cá tra fillet	78.408 USD	ANOVA FOOD B.V
9	C6612	Bán cá tra fillet	81.972 USD	ANOVA FOOD B.V
10	C6613	Bán cá tra fillet	81.972 USD	ANOVA FOOD B.V

Nguồn: Vĩnh Hoàn

7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong hai năm gần nhất.

7.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2005, 2006 và 9 tháng đầu năm 2007.

Đơn vị tính: đồng

STT	CHỈ TIÊU	NĂM 2005	NĂM 2006	%TĂNG GIẢM NĂM 2006 SO VỚI 2005	9 THÁNG ĐẦU NĂM 2007
1	Tổng tài sản	169.478.076.554	235.811.386.626	39,14%	445.992.048.597
2	Doanh thu thuần	507.013.939.828	1.516.245.170.191	199,05%	1.296.196.188.060
3	Lợi nhuận từ HĐKD	488.520.516	90.867.551.147	18.500,56%	114.210.559.558
4	Lợi nhuận khác	(21.347.187)	(3.330.365.185)	15.500,96%	1.704.490.099
5	Lợi nhuận trước thuế	467.173.329	87.537.185.962	18.637,62%	115.915.049.657
6	Lợi nhuận sau thuế	420.455.996	78.616.242.508	18.597,85%	100.150.980.073
7	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	0	0%	0%	0%

Nguồn: Báo cáo kiểm toán 2005, 2006 và Vĩnh Hoàn 9 tháng đầu năm 2007

Ghi chú: Do Công ty chuyển sang hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần từ tháng 04/2007 nên bảng trên không thể hiện tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức qua các năm.

7.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2005 và 2006.

❖ Xuất khẩu thủy sản của Việt Nam:

- Cá da trơn đang ngày càng được ưa chuộng nhiều hơn do được đánh giá là loại cá có chứa ít cholesterol. Chính vì vậy lượng nhập khẩu loài cá này vào thị trường Châu Âu, Châu Mỹ và châu Phi đều tăng mạnh. Duy chỉ có thị trường châu Á do vẫn ưa chuộng cá biển đông lạnh hơn nên lượng tăng không đáng kể.

- Theo số liệu của Tổ chức Nông lương Liên hợp quốc (FAO), Việt Nam hiện đứng ở vị trí thứ 5 thế giới về sản lượng nuôi trồng thủy sản, sau Trung Quốc, Ấn Độ, Indônêxia và Philippin. Vị trí này được Việt Nam đã giữ trong suốt giai đoạn 2001-2005.
- Cũng theo số liệu của FAO, giai đoạn 2001-2005, Việt Nam đứng thứ 12 thế giới về sản lượng thủy sản khai thác, thứ 9 trên thế giới về xuất khẩu thủy sản.
- Năm 2006, kim ngạch xuất khẩu thủy sản đạt 3,36 tỷ USD đứng thứ tư trong các mặt hàng xuất khẩu của Việt Nam (sau dầu thô: 8,32 tỷ USD, dệt may (5,80 tỷ USD) và giày dép 3,56 tỷ USD), chiếm 8,5% tổng kim ngạch xuất khẩu của cả nước.
- Trong những năm qua, ngành thủy sản luôn đạt tốc độ tăng trưởng bình quân 18,4%/năm, trong đó xuất khẩu cá Tra, Basa là mặt hàng xuất khẩu chủ lực (năm 2005, 2006 đứng sau mặt hàng tôm đông lạnh về giá trị kim ngạch xuất khẩu). Đến đầu năm 2007, lần đầu tiên sau nhiều năm, cá Tra, Basa xuất khẩu đã chiếm vị trí thứ nhất của ngành chế biến xuất khẩu thủy sản với khối lượng xuất khẩu đạt 80,6 nghìn tấn, kim ngạch xuất khẩu đạt 206,6 triệu USD (tăng 40% về lượng và 52,5% về kim ngạch so với cùng kỳ).
- Công nghiệp chế biến thủy sản Việt Nam đã nhanh chóng tiếp cận với trình độ công nghệ và quản lý tiên tiến của khu vực và thế giới, nhờ vậy chất lượng sản phẩm không ngừng được nâng lên. Sản phẩm thủy sản Việt Nam đã chinh phục và đứng vững trên 140 thị trường của thế giới. Nuôi trồng thủy sản từ chỗ là một nghề sản xuất phụ mang tính tự cấp, tự túc đã nhanh chóng trở thành ngành sản xuất hàng hóa tập trung, phát triển ở tất cả các thủy vực gồm nước ngọt, nước lợ, nước mặn.
- Cơ cấu sản phẩm của kinh tế thủy sản đã thay đổi theo hướng tăng tỷ trọng nuôi trồng, tỷ trọng sản phẩm có giá trị cao. Nếu như năm 1986, tổng sản lượng thủy sản chỉ đạt hơn 800.000 tấn, trong đó, nuôi trồng hơn 200.000 tấn (chiếm khoảng 25% tổng sản lượng), kim ngạch xuất khẩu đạt mức 100 triệu USD. Đến năm 2006, sản lượng thủy sản đạt hơn 3,7 triệu tấn, trong đó sản lượng nuôi đạt 1,7 triệu tấn (chiếm trên 46%), giá trị kim ngạch xuất khẩu đạt hơn 3,5 tỷ USD.
- Giá cá da trơn vẫn đang trong xu hướng tăng mạnh. Giá cá Tra, Basa của Việt Nam xuất khẩu tăng khoảng 40-50%.
- Sản phẩm từ Cá Tra, Basa philê hiện do đặc điểm thịt trắng, ngon, giá rẻ, sản lượng dồi dào, ổn định đang được đánh giá là sản phẩm thay thế tối ưu cho các loài cá biển thịt trắng (như cod, pollock) số lượng đang ngày càng cạn kiệt (đã bị hạn chế tối đa về khối lượng được đánh bắt).

- Do chưa đáp ứng hết nhu cầu tiêu thụ của thị trường, xuất khẩu cá Tra, Ba sa vẫn sẽ tiếp tục tăng trưởng mạnh. Dự báo trong năm 2007, nhu cầu tiêu thụ cá da trơn trên thị trường thế giới tiếp tục bùng nổ và kim ngạch xuất khẩu mặt hàng này của Việt Nam sẽ đạt tới 1 tỉ USD.

❖ Thị trường Mỹ:

- Mỹ hiện chiếm 6,7% tỷ trọng xuất khẩu cá Tra, Basa của Việt Nam. 2 tháng đầu năm 2007 xuất khẩu cá Tra, Basa sang Mỹ đạt 2.414 tấn, trị giá 8,009 triệu USD, tăng 61,4% về khối lượng và 116,9% về giá trị so với cùng kỳ năm ngoái. 2 tháng đầu năm nay chỉ có 9 doanh nghiệp xuất khẩu cá tra sang thị trường này, công ty Vĩnh Hoàn có giá trị xuất khẩu đạt cao nhất.
- Năm 2007 là năm thứ 5 liên tiếp diện tích ao nuôi cá da trơn của Mỹ bị thu hẹp (trung bình giảm khoảng 5%), do đó lượng cung cấp cá da trơn nội địa bị giảm theo. Tuy nhiên, lượng thiếu hụt này đã được bù đắp bởi lượng cá da trơn được nhập khẩu ngày càng nhiều với giá thấp từ các nước Châu Á. Đây là dấu hiệu cho thấy các tháng tới trong năm 2007, nhập khẩu cá da trơn vào Mỹ sẽ tăng mạnh do nhu cầu tiêu thụ cá da trơn trên thị trường Mỹ ngày càng phổ biến.
- Mặt hàng cá tra phi lê đông lạnh luôn là mặt hàng chiếm tỉ trọng lớn trong các mặt hàng thủy sản xuất khẩu vào Mỹ. Đây cũng là mặt hàng mà Việt Nam xuất khẩu phổ biến và chiếm ưu thế. Mức giá cá tra phi lê đông lạnh nhập khẩu vào Mỹ 2 tháng đầu năm 2007 đạt 3.445 USD/tấn, tăng 27% so với cùng kỳ năm ngoái. Giá nhập khẩu từ Việt Nam mặt hàng này cũng tăng khá cao, đạt 3.231 USD/tấn (tăng 36,7%). Tuy vậy, mức giá của Việt Nam vẫn là mức thấp nhất trong các nước xuất khẩu mặt hàng này.
- Năm 2006, mức thuế chống bán phá giá mà Bộ Thương mại Mỹ (DOC) quy định cho Vĩnh Hoàn là 6,81% (trước đó áp dụng mức thuế 36,84%) tạo lợi thế kinh doanh về thị trường của Công ty với các doanh nghiệp khác. Từ đó, kim ngạch xuất khẩu tăng từ 8,54% lên 45,14% trong tổng kim ngạch xuất khẩu của Vĩnh Hoàn.

❖ Thị trường Châu Âu:

- Được đánh giá là loại cá chứa ít cholesterol nên hiện nay, nhu cầu tiêu thụ cá da trơn trên thị trường này đang ngày càng được mở rộng. Đối với Việt Nam, 50% tổng lượng xuất khẩu cá tra và cá basa là được xuất khẩu sang thị trường EU. Tổng năm 2006, xuất khẩu cá tra và basa của Việt Nam sang thị trường EU tăng hơn gấp đôi so với năm 2005. Các thị trường EU quan tâm tới cá Tra, Basa của Việt Nam hiện là Ba Lan, Tây Ban Nha và Hà Lan. Trong đó, Ba Lan là thị trường nhập khẩu lớn nhất mặt hàng này của Việt Nam trên thị trường EU.

Ngoài ra, các khu vực Trung Đông, Trung Nam Mỹ và châu Phi đang tăng lượng nhập khẩu mặt hàng thủy sản và xuất khẩu thủy sản của Việt Nam tới khu vực này đang đạt được tiến độ tốt. Cá Tra đông lạnh là mặt hàng ưa chuộng nhất trên 3 thị trường Trung Đông, Trung Nam Mỹ và Châu Phi. Trong những tháng tới, cá Tra đông lạnh sẽ tiếp tục là mặt hàng được nhập khẩu nhiều nhất vào khu vực này.

Kết quả kinh doanh năm 2006 của Vĩnh Hoàn là rất đáng khích lệ:

- Doanh thu thuần đạt 1.516 tỷ đồng tăng trên 194% so với năm 2005.
- Lợi nhuận trước thuế đạt 87,5 tỷ đồng (năm 2005, lợi nhuận trước thuế của Công ty chỉ đạt 420 triệu đồng).

Những thuận lợi và khó khăn có thể ghi nhận như sau:

a) Thuận lợi

- Mức thuế 6,81% mà Bộ Thương mại Mỹ (DOC) quy định áp dụng cho Công ty là một trong những lợi thế lớn của Vĩnh Hoàn so với các doanh nghiệp chế biến xuất khẩu cá Tra, Basa philê vào thị trường Mỹ.
- Phân khúc thị trường rõ ràng, định hướng phát triển sản phẩm đạt chất lượng cao (về tiêu chuẩn an toàn thực phẩm) tạo cho Vĩnh Hoàn tên tuổi lớn trên thị trường, là thương hiệu hàng đầu mà các đối tác có yêu cầu sản phẩm chất lượng cao lựa chọn.
- Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001, ISO 14001 và các tiêu chuẩn về vệ sinh an toàn thực phẩm như BRC, IFS, HACCP, GMP, SSOP ngày càng phát huy tác dụng và tạo hiệu quả tích cực đến nhiều mặt hoạt động của Công ty.
- Phòng Kinh doanh của Công ty thường xuyên tổ chức việc nghiên cứu nhu cầu tiêu thụ của từng thị trường. Công ty dựa vào kết quả phân tích và dự báo đó để lên kế hoạch sản xuất và thu mua nguyên liệu một cách hợp lý. Chính vì vậy Công ty không dễ xảy ra tình trạng bị động trong sản xuất khi nhu cầu tiêu thụ tăng và không bị ứ đọng hàng hoá nhiều khi nhu cầu tiêu thụ giảm.
- Mặc dù thị trường của Công ty phần lớn là xuất khẩu, tuy nhiên vẫn còn rất nhiều cơ hội phát triển hơn nữa khi hiện nay công suất của Công ty vẫn chưa đáp ứng được hết tất cả các đơn đặt hàng của các đối tác.
- Thị trường trong nước vẫn còn tiềm năng phát triển rất lớn.
- Ban lãnh đạo, đội ngũ cán bộ chủ chốt có trình độ, tâm huyết và gắn bó với Công ty.
- Cán bộ nhân viên có trình độ, được đào tạo căn bản, nắm vững công nghệ, kỹ thuật và có kinh nghiệm vững vàng.

b) Khó khăn.

- Năm 2005, Vĩnh Hoàn vẫn phải chịu mức thuế mà DOC quy định là 36,84% làm cho tình hình kinh doanh của Công ty gặp khó khăn. Sau khi DOC có quyết định điều

chính mức thuế trong năm năm 2006 (giảm xuống còn 6,81%) làm giảm áp lực trong việc tìm kiếm đối tác để tăng nguồn đầu ra, nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Mặt khác, tình hình dịch bệnh của gia cầm và gia súc làm cho xu hướng tiêu thụ chuyển sang các sản phẩm thủy sản, đẩy nhu cầu tiêu thụ trong nước gia tăng tác động làm tăng giá nguyên liệu.
- Các doanh nghiệp chế biến xuất khẩu thủy sản không ngừng xây dựng nhà máy để tăng công suất cùng với việc các doanh nghiệp khác thành lập mới làm cho tình hình cạnh tranh ngày càng gay gắt về giá giữa các doanh nghiệp sản xuất trong nước.
- Thiếu vốn lưu động để đáp ứng cho nhu cầu tồn trữ nguyên liệu, nhu cầu đầu tư phát triển hệ thống tiêu thụ và xây dựng nhà máy sản xuất mới.
- Thiếu nguồn nhân lực đáp ứng cho nhu cầu phát triển.
- Thách thức do các sự kiện tranh chấp thương mại, rào cản kỹ thuật về dư lượng kháng sinh trong thủy sản.
- Những hạn chế về quy hoạch nguồn nguyên liệu, cụ thể như sau:

Hiện nay, Nhà nước chưa có chiến lược quy hoạch tổng thể nghề nuôi và chế biến cá Tra, Basa ở ĐBSCL. Theo Phân viện Quy hoạch thủy sản phía Nam (Bộ Thủy sản), mục tiêu của ĐBSCL đến 2010 - 2020.

Chỉ tiêu	Năm 2010	Năm 2020
Diện tích nuôi (ha)	10.200	16.000
Sản lượng (tấn)	836.000	1.915.855
Giá trị sản lượng (tỷ đồng)	12.112	34.572
Giá trị xuất khẩu (triệu USD)	600	1.200

So sánh sơ bộ lượng thức ăn cần sử dụng cho 16.000 ha nuôi cá tra, ba sa đến năm 2020: 1 ha nuôi tôm tiêu thụ khoảng 7,5 tấn thức ăn/vụ, trong khi đó 1 ha nuôi cá (sản lượng 300-400 tấn/ha) cần lượng thức ăn 450-600 tấn. Do vậy, lượng thức ăn cho 16.000 ha cá tương đương với 960.000 ha tôm. Lượng chất thải xả ra môi trường là rất lớn, môi trường sẽ quá tải và có thể bị hủy hoại chính từ nghề nuôi cá. Điển hình là sự ô nhiễm dòng nước của sông Tiền và sông Hậu, hai con sông có sản lượng cá nuôi lớn nhất ĐBSCL.

Vấn đề con giống và thức ăn là vấn đề mấu chốt góp phần quyết định thành công của nghề nuôi cá Tra, Basa. Tuy nhiên, các địa phương vẫn chưa kiểm soát được vấn đề này do cạnh tranh không lành mạnh giữa các cơ sở tư nhân, gây thiệt hại cho hoạt động sản xuất toàn ngành và ô nhiễm môi trường.

Để khắc phục tình hình này, Vĩnh Hoàn hiện đang triển khai các dự án nuôi trồng của chính Công ty đảm bảo tình trạng luôn có đủ nguồn nguyên liệu để cung cấp cho tất cả các

đơn đặt hàng của đối tác; và là đơn vị đi tuyên phong trong vấn đề xử lý ao nuôi và nước thải, thể hiện đúng chính sách mục tiêu và phát triển bền vững.

8. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành.

8.1. Vị thế của Công ty trong ngành.

Vĩnh Hoàn là công ty có quy mô thuộc vào những doanh nghiệp lớn trong ngành chế biến xuất khẩu của cả nước, tổng công suất hiện tại lên đến 250 tấn cá nguyên liệu/ngày.

Công ty Vĩnh Hoàn là đơn vị luôn đặt mục tiêu phát triển bền vững xuyên suốt từ khâu nuôi trồng cho đến quản lý chất lượng sản xuất và cả khâu bán hàng. Hiện tại, Công ty đặt lên hàng đầu chương trình kiểm soát vùng nuôi cũng như ao nuôi nhằm mục tiêu xây dựng vùng nuôi an toàn thân thiện với môi trường, không sử dụng kháng sinh và hóa chất bị cấm; Thực hành nuôi tốt GAP (Good Aquaculture Practice); đầu tư kinh phí thực hiện qui trình tự xử lý nước cho ao nuôi và xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn về môi trường, giữ gìn nước nguồn của dòng sông Mêkong để ngành Công nghiệp cá da trơn Việt Nam có điều kiện sản xuất không đi ngược lại với quyền lợi của Cộng đồng và xã hội.

Vĩnh Hoàn là đơn vị được đánh giá cao về năng lực sản xuất hàng giá trị gia tăng thể hiện thông qua các kỳ hội chợ, đạt được nhiều giải thưởng cao tại các hội chợ quốc tế cũng như trong nước; đối với mặt hàng truyền thống, Vĩnh Hoàn luôn đặt chất lượng lên hàng đầu. Vì vậy, các khách hàng của Công ty chấp nhận giá bán cao hơn đối với những sản phẩm của Vĩnh Hoàn – đó cũng là minh chứng cho chính sách bán hàng và là cơ sở quan trọng để Vĩnh Hoàn đạt được mức thuế thấp nhất vào thị trường Mỹ.

Thống kê doanh thu của một vài Công ty chế biến xuất khẩu mặt hàng cá Tra, Basa trên thị trường hiện nay:

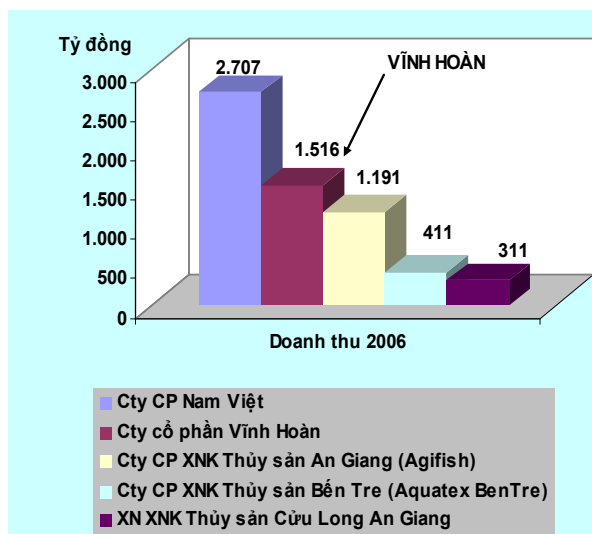
Đơn vị tính: Triệu đồng

Doanh nghiệp	Doanh thu 2006	Tổng Lợi nhuận trước thuế 2006	Tỷ lệ Lợi nhuận trước thuế/Doanh thu
Cty cổ phần Nam Việt	2.707.076	277.294	10,2%
Cty cổ phần Vĩnh Hoàn	1.516.245	87.537	5,8%
Cty CP XNK Thủy sản An Giang (Agifish)	1.190.519	50.491	4,2%
Cty CP XNK TS Bến Tre (Aquatex BenTre)	411.050	33.272	8,1%
XN XNK Thủy sản Cửu Long An Giang	311.274	36.134	11,6%

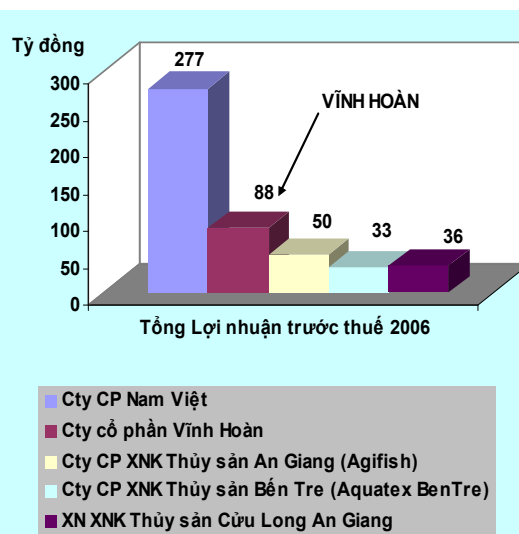
Nguồn: BVSC và Báo cáo tài chính 2006 của các Công ty

Biểu đồ so sánh chỉ tiêu của các doanh nghiệp chế biến xuất khẩu cá Tra, Basa năm 2006

DOANH THU



LỢI NHUẬN



Công ty hiện áp dụng quy trình sản xuất chất lượng sản phẩm theo các tiêu chuẩn như BRC, IFS, HACCP, GMP, SSOP, ISO. Sản phẩm đủ điều kiện xuất khẩu rất nhiều nước trên thế giới trong đó có Mỹ và các nước thuộc EU, thị trường khó tính nhất trong ngành xuất khẩu thực phẩm từ các thị trường ngoài nước.

Công ty có lợi thế về nguồn cung cấp nguyên liệu do nằm tại tỉnh Đồng Tháp, một tỉnh thuộc khu vực Đồng Bằng Sông Cửu Long có môi trường và điều kiện được xem là thuận lợi nhất của ngành nuôi thả cá Tra, Basa nguyên liệu. Mặt khác, Công ty luôn đảm bảo duy trì và thiết lập mối quan hệ một cách chặt chẽ cùng các nhà cung cấp lớn, thường xuyên với chính sách hợp tác, liên kết hỗ trợ tốt.

8.2. Triển vọng phát triển của ngành

Nhu cầu tiêu thụ thủy sản trên thế giới ngày một tăng cao, nhất là một số nước phát triển như Mỹ, Nhật, Nga, các nước thuộc khối EU...

Xu hướng phát triển kinh tế cao và hiện đại, nhu cầu về tiêu dùng thực phẩm thức ăn nhanh và chế biến sẵn (đông lạnh, đồ hộp...) ngày một tăng và trở thành sản phẩm thiết yếu nhất là tại những nước có nền kinh tế phát triển. Giá trị sản lượng tiêu thụ thực phẩm từ nhập khẩu từ những nước đang phát triển với nguồn nguyên liệu dồi dào, chi phí sản xuất và nhân công thấp, giá thành phù hợp. Trong đó, thực phẩm có nguồn gốc từ thủy sản được ưa chuộng ngày càng tăng cao do nhiều nguyên nhân như:

- Nguồn cá biển tự nhiên ngày một cạn kiệt do nạn đánh bắt tràn lan, một số loài cá biển có nguy cơ bị tuyệt chủng.
- Dịch cúm trên gia cầm và lở mồm, long móng trên gia súc trong thời gian gần đây khiến người tiêu dùng có xu hướng chuyển sang sử dụng thủy sản ngày càng nhiều.
- Thực phẩm có hàm lượng dinh dưỡng cao (như protein, vitamin, khoáng chất, omega3) có lợi cho sức khỏe mặc dù có giá bán cao nhưng vẫn được sự ưa chuộng của người tiêu dùng.

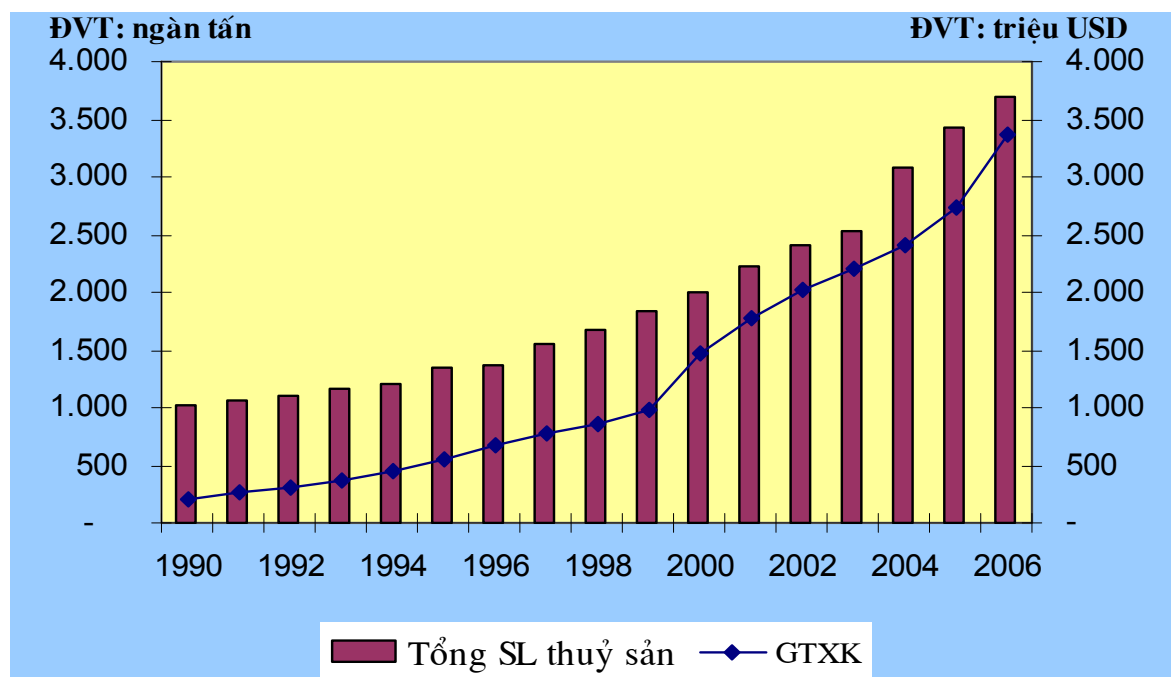
Riêng tại Việt Nam, ngành chế biến thủy sản đông lạnh xuất khẩu hiện đang có triển vọng phát triển tốt. Ngoài ra, thị trường trong nước cũng có cơ hội tăng trưởng cao dựa trên những yếu tố tích cực như: nền kinh tế phát triển, thu nhập bình quân đầu người và mức sống ngày càng cao.

Những số liệu dưới đây cho thấy tốc độ tăng trưởng cả về sản lượng lẫn giá trị kim ngạch xuất khẩu trong ngành:

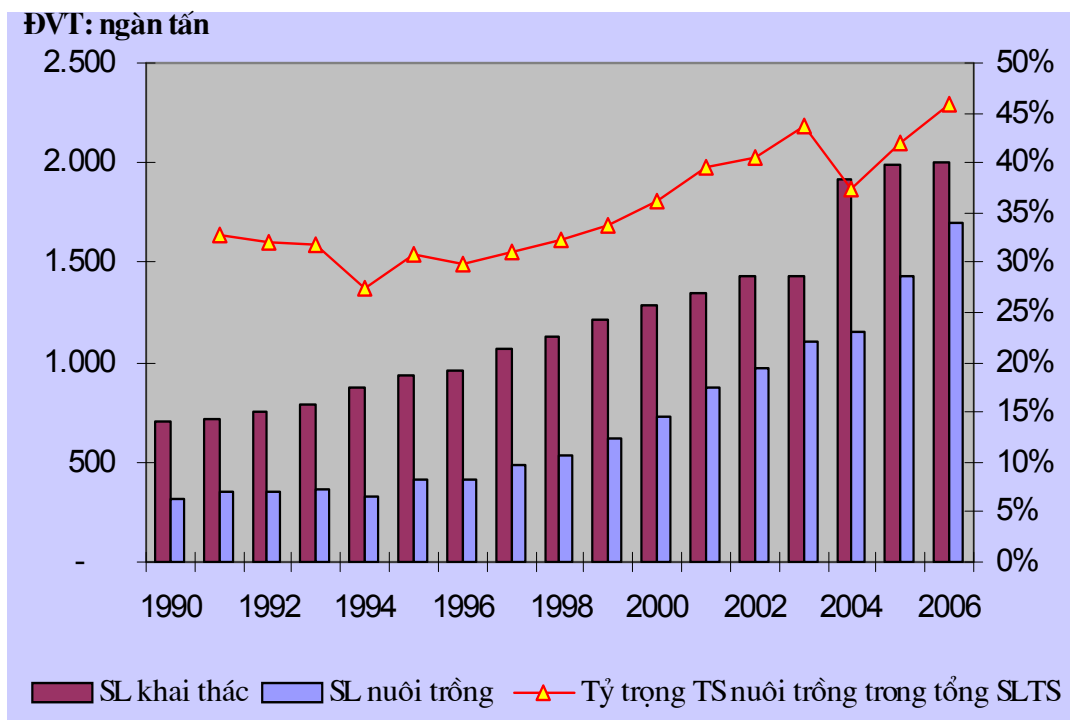
Năm	SL khai thác (Tấn)	SL nuôi (Tấn)	Tổng SL (Tấn)	GTXK (ngàn USD)	Tỷ lệ tăng GTXK hàng năm (%)
1990	709.000	310.000	1.019.000	205.000	
1991	714.253	347.910	1.062.163	262.234	27.92%
1992	746.570	351.260	1.097.830	305.630	16.55%
1993	793.324	368.604	1.161.928	368.435	20.55%
1994	878.474	333.022	1.211.496	458.200	24.36%
1995	928.860	415.280	1.344.140	550.100	20.06%
1996	962.500	411.000	1.373.500	670.000	21.80%
1997	1.062.000	481.000	1.543.000	776.000	15.82%
1998	1.130.660	537.870	1.668.530	858.600	10.64%
1999	1.212.800	614.510	1.827.310	971.120	13.11%
2000	1.280.590	723.110	2.003.700	1.478.609	52.26%
2001	1.347.800	879.100	2.226.900	1.777.485	20.21%
2002	1.434.800	976.100	2.410.900	2.014.000	13.31%
2003	1.426.223	1.110.138	2.536.361	2.199.577	9.21%
2004	1.923.500	1.150.100	3.073.600	2.400.781	9.15%
2005	1.995.400	1.437.400	3.432.800	2.738.726	14.08%
2006	2.001.656	1.694.271	3.695.927	3.357.960	22,61%

Nguồn: Báo cáo tổng kết hàng năm của Bộ Thủy sản

BIỂU ĐỒ TỔNG SẢN LƯỢNG VÀ GIÁ TRỊ XUẤT KHẨU THỦY SẢN VIỆT NAM 1990 - 2006



Sản lượng thủy sản nuôi trồng chiếm tỷ trọng ngày càng cao trong tổng sản lượng thủy sản cả nước. Riêng trong thủy sản nuôi trồng, ngoài sản phẩm tôm sản lượng thấp nhưng có giá trị cao, sản phẩm xuất khẩu chủ yếu là cá Tra, Basa. Việt Nam là quốc gia duy nhất trên thế giới xuất khẩu cá Tra, Basa do Việt Nam có điều kiện tự nhiên thích hợp (vùng DBSCL) đã đầu tư nghiên cứu và phát triển con giống, phương thức nuôi thả loài cá này.



Ngành thủy sản Việt Nam đã có những đóng góp đáng kể vào nền kinh tế quốc dân và mục tiêu phát triển của đất nước thông qua những ảnh hưởng của ngành về sản xuất thực phẩm, tạo việc làm và xuất khẩu.

Tốc độ tăng trưởng kim ngạch xuất khẩu thủy sản bình quân trong 05 năm là trên 18%/năm, chiếm xấp xỉ 20% GDP trong cơ cấu nông-lâm-ngư nghiệp và khoảng 4% trong GDP của nền kinh tế quốc dân. Kim ngạch xuất khẩu thủy sản đứng vị trí thứ 04 (sau dầu hoả, may mặc và da giày), là một trong các lĩnh vực xuất khẩu thu về ngoại tệ cho Việt Nam.

Theo số liệu của Tổ chức Nông lương Liên hợp quốc (FAO), Việt Nam hiện đứng ở vị trí thứ 5 thế giới về sản lượng nuôi trồng thủy sản (sau Trung Quốc, Ấn Độ, Indônêxia và Philippin). Cũng theo số liệu của FAO, giai đoạn 2001-2005, Việt Nam đứng thứ 12 thế giới về sản lượng thủy sản khai thác, thứ 9 trên thế giới về xuất khẩu thủy sản.

Theo kế hoạch của Bộ Thủy sản, mục tiêu đến 2010 phải đạt 4 triệu tấn nguyên liệu và giá trị kim ngạch xuất khẩu đạt 4,5-5 tỷ USD. Đặc biệt, khi "chiến lược về biển đến 2020" đề ra mục tiêu phát triển Việt Nam trở thành quốc gia giàu mạnh về biển, kinh tế ven biển đóng góp 50-55% sự phát triển chung của đất nước.

Riêng trong ngành chế biến xuất khẩu cá Tra, Basa Việt Nam hiện đang kì vọng vào việc kim ngạch xuất khẩu cá tra và basa năm 2007 có thể đạt trên 1 tỉ USD, sản lượng trên 1 triệu tấn (năm 2006 là trên 700 triệu USD về giá trị và 286.000 tấn về sản lượng).

Với các chỉ tiêu cho thấy sự tăng trưởng ổn định, tốc độ phát triển trong hoạt động xuất khẩu thủy sản được dự báo là rất cao, hứa hẹn nhiều cơ hội cho các doanh nghiệp chế biến thủy sản vươn lên theo hướng mở rộng thị trường và gia tăng năng lực sản xuất.

8.3. Định hướng phát triển của Công ty

Hoạt động sản xuất, kinh doanh và đầu tư:

- Mở rộng nhà xưởng sản xuất, và kho tồn trữ hiện tại đáp ứng sản lượng ngày một gia tăng của Công ty trên mặt bằng hiện có.
- Xây dựng nhà máy sản xuất chế biến mới, hiện đại đủ cung cấp cho các đơn đặt hàng của các nhà nhập khẩu.
- Tăng cường vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Kiểm soát chi phí, tăng năng suất, giảm giá thành để nâng sức cạnh tranh cho sản phẩm của Công ty.
- Tiếp tục nghiên cứu nhu cầu thị hiếu của người tiêu dùng các nước, các nhà nhập khẩu về sản phẩm giá trị gia tăng có giá trị dinh dưỡng cao.
- Không ngừng nâng cao hiệu quả hoạt động của chi nhánh, công ty con (tại Mỹ) của Công ty. Vĩnh Hoàn sẽ tiến tới việc tự tìm kiếm thị trường, đưa sản phẩm vào các siêu thị, nhà hàng và hệ thống cửa hàng thức ăn nhanh.
- Phối hợp chặt chẽ với các Bộ, ngành liên quan nâng cao hiểu biết luật pháp quốc tế để chủ động đối phó với những tranh chấp và rào cản thương mại chuẩn bị gia nhập WTO.

Tiếp thị:

- Đảm bảo chất lượng đã được khẳng định và thời gian giao hàng. Uy tín về chất lượng sản phẩm hiện đang được xem là tài sản lớn nhất của Vĩnh Hoàn.
- Giữ vững và từng bước nâng cao doanh số, nâng cao thị phần xuất khẩu và thị phần trong nước, nâng cao vị thế của Công ty trong ngành.
- Tăng cường công tác xúc tiến thương mại, mở rộng quan hệ đối ngoại để tìm kiếm các đối tác xuất khẩu, mở rộng thị trường xuất khẩu của Công ty. Thông qua công ty con tại Mỹ, Vĩnh Hoàn sẽ từng bước giới thiệu sản phẩm của mình sang các nước lân cận khác tại khu vực Bắc, Trung và Nam Mỹ.
- Thường xuyên tham gia các hội chợ chuyên ngành thủy sản trong và ngoài nước.

Tài chính:

- Duy trì tình hình tài chính lành mạnh và ổn định.
- Phát hành thêm cổ phiếu huy động vốn trên thị trường chứng khoán đáp ứng cho nhu cầu đầu tư và phát triển của Công ty.
- Tích cực tìm nguồn vốn vay với lãi suất thấp.

- Dự kiến sẽ niêm yết cổ phiếu của Công ty trên TTGDCK TP.HCM (sau này là Sở GDCK TP.HCM) trong Quý 4 năm 2007

Nhân lực:

- Xây dựng và cải tiến chính sách lương thưởng theo hướng tạo động lực thúc đẩy sáng tạo và đóng góp tích cực của người lao động.
- Tổ chức huấn luyện đào tạo nâng cao tay nghề cho công nhân. Sắp xếp bậc thợ, bậc lương phù hợp.
- Thường xuyên phát động và tổ chức các phong trào thi đua trong sản xuất, phát huy sáng tạo, cải tiến tăng năng xuất, tiết kiệm trong sản xuất để nâng cao hơn nữa hiệu quả kinh doanh của Công ty và thu nhập người lao động.

9. Chính sách đối với người lao động.**9.1. Tình hình lao động.**

Tổng số lao động của Công ty tại thời điểm 31/12/2006 là 1.752 người, cơ cấu lao động phân theo trình độ và theo hợp đồng lao động được thể hiện trong bảng sau:

Trình độ người lao động	Năm 2006	Tỷ lệ %	Hợp đồng lao động	Năm 2006	Tỷ lệ %
Đại học	51	2,91%	Dài hạn	1.121	63,98%
Cao đẳng	25	1,43%	Thời hạn từ 1 năm	232	13,24%
Trung cấp, sơ cấp	41	2,34%	Thời vụ	70	4,00%
Lao động phổ thông	1.635	93,32%	Thử việc	329	18,78%
Tổng lao động	1.752	100,00%	Tổng lao động	1.752	100,00%

Nguồn: Công ty Vĩnh Hoàn

9.2. Chính sách đối với người lao động.**a) Chế độ làm việc.**

Thời gian làm việc: Công ty tổ chức làm việc 8h/ngày, 6 ngày/tuần, nghỉ trưa 1h30' đối với các bộ phận văn phòng. Đối với cán bộ sản xuất, Công ty đang tổ chức sản xuất theo ca, với nhịp độ sản xuất 02 ca/ngày đảm bảo công nhân và cán bộ sản xuất có thời gian tái tạo sức lao động hợp lý. Tại xưởng sản xuất mới xây dựng, hiện tại chỉ mới hoạt động với thời gian 01 ca/ngày. Công ty Vĩnh Hoàn luôn đảm bảo quyền lợi theo quy định của nhà nước và có đầy đủ thỏa đáng cho người lao động trong Công ty.

Thời gian nghỉ phép, nghỉ lễ, Tết, nghỉ ốm thai sản được bảo đảm theo đúng quy định của Bộ luật lao động.

Điều kiện làm việc: Văn phòng làm việc, nhà kho, nhà xưởng sản xuất chính của Vĩnh Hoàn luôn thoáng mát, sạch sẽ đảm bảo vệ sinh môi trường theo các tiêu chuẩn kiểm tra, kiểm soát khắt khe nhất.

Đối với lực lượng lao động trực tiếp, Công ty trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động, vệ sinh lao động, các nguyên tắc an toàn lao động được tuân thủ nghiêm ngặt.

Nhà ăn khang trang, thoáng mát, sạch sẽ, đảm bảo về tiêu chuẩn an toàn vệ sinh thực phẩm. Tất cả cán bộ công nhân viên đều được Công ty đãi thọ một suất ăn mỗi ngày.

b) Chính sách tuyển dụng, đào tạo.

Tuyển dụng: mục tiêu tuyển dụng của Công ty là thu hút người lao động, ưu tiên người lao động có kinh nghiệm, đáp ứng được yêu cầu công việc và có năng lực, tuyển dụng những cán bộ trẻ có năng lực và tay nghề cao bổ sung vào nguồn nhân lực của Công ty.

Đào tạo: Công ty chú trọng đẩy mạnh các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, đặc biệt là kỹ năng về HACCP, GMP và SQF; kỹ năng về quản lý đối với cán bộ quản lý, kỹ năng về chuyên môn, nghiệp vụ đối với công nhân, nhân viên tại nhà máy sản xuất.

- Đào tạo nhân viên mới: sau khi được tuyển dụng, nhân viên mới sẽ được Công ty tổ chức đào tạo để nắm rõ về nội quy lao động, trách nhiệm quyền hạn được giao, phương pháp và kỹ năng thực hiện công việc.
- Đào tạo tại nơi làm việc: tùy thuộc vào kinh nghiệm, trình độ, năng lực của người nhân viên Công ty sẽ phân công công việc phù hợp từ đơn giản đến phức tạp, từ cấp thấp đến cấp cao hơn. Những nhân viên thuộc bộ phận nào sẽ được phụ trách bộ phận đó trực tiếp hướng dẫn, đào tạo và phân công.
- Đào tạo không thường xuyên: Công ty khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi về thời gian và kinh phí cho người lao động nâng cao trình độ, kiến thức để làm việc cho Công ty hiệu quả hơn.

c) Chính sách lương và thưởng.

Công ty có chế độ lương phù hợp với đặc trưng vị trí và công việc cụ thể, cách phân loại này bảo đảm quyền lợi cho người lao động theo đúng các quy định của pháp luật.

Nhằm khuyến khích động viên mức độ đóng góp của cán bộ công nhân viên trong Công ty, góp phần tăng năng suất và chất lượng hoàn thành công việc, hằng năm Công ty đưa ra chính sách thưởng theo bình bầu ABC.

Công ty thực hiện các chế độ cho người lao động theo Luật lao động, nội quy lao động và Thỏa ước lao động tập thể. Hàng năm Công ty tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho cán bộ công nhân viên, tổ chức đi nghỉ mát trong và ngoài nước, duy trì phong trào Văn- Thể - Mỹ.

Việc trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế được Công ty trích nộp đủ và đúng thời hạn theo quy định của pháp luật (được đánh giá là doanh nghiệp thực hiện đóng bảo hiểm tốt nhất trong tỉnh).

10. Chính sách cổ tức.

Công ty tiến hành trả cổ tức cho cổ đông khi kinh doanh có lãi, hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật, đảm bảo thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ khác đến hạn phải trả.

Cổ tức sẽ được chi trả từ lợi nhuận giữ lại của Công ty nhưng không được vượt quá mức do Hội đồng quản trị đề xuất sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị có thể thanh toán cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty.

Hội đồng quản trị có thể đề nghị Đại hội cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hay từng phần cổ tức bằng những tài sản cụ thể (cổ phiếu, trái phiếu đã thanh toán hết tiền mua do công ty khác phát hành) và HĐQT là cơ quan thực thi nghị quyết về việc này.

Tình hình phân phối cổ tức 2 năm gần nhất 2005-2006: không có. Do Vĩnh Hoàn chính thức chuyển sang hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần từ ngày 01/04/2007, dự kiến việc chi trả cổ tức lần đầu là trong năm 2007 (năm tài chính đầu tiên của Vĩnh Hoàn kéo dài trong 9 tháng cuối năm 2007)

Dự kiến sau khi niêm yết cổ phiếu trên TTGDCK TPHCM và phát hành thêm cổ phiếu huy động vốn, tăng vốn điều lệ lên khoảng 360 tỷ đồng Công ty sẽ duy trì mức cổ tức năm từ năm 2007 đến năm 2009 tối thiểu là từ 18% đến 25%/năm tính trên mệnh giá.

11. Tình hình hoạt động tài chính

11.1. Các chỉ tiêu cơ bản.

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo tài chính của Công ty tính bằng đồng Việt Nam, được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam.

Năm tài chính đầu tiên của Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn bắt đầu từ ngày 01/04/2007 đến ngày 31/12/2007.

a) Trích khấu hao tài sản cố định.

Tài sản cố định của Công ty được khấu hao theo phương pháp khấu hao đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản cố định theo thời gian sử dụng ước tính, phù hợp với Quyết định số 206/2003/QĐ/BTC ngày 12/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về ban hành chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ.

Thời gian khấu hao áp dụng tại Công ty:

- Nhà và vật kiến trúc :	06-20 năm
- Máy móc và thiết bị:	03-10 năm
- Phương tiện vận tải	04-06 năm
- Thiết bị văn phòng:	03-06 năm

b) Thu nhập bình quân.

Thu nhập bình quân hàng tháng của người lao động trong Công ty năm 2006 là 1.543.000 đồng/người. Đây là mức thu nhập khá cao so với các doanh nghiệp trong cùng ngành.

c) Thanh toán các khoản nợ đến hạn.

Công ty thực hiện tốt các khoản nợ đến hạn. Căn cứ vào các báo cáo kiểm toán năm 2005 và năm 2006 Công ty đã thanh toán đúng hạn và đầy đủ các khoản nợ.

d) Các khoản phải nộp theo luật định.

Công ty thực hiện nghiêm túc việc nộp các khoản thuế VAT, thuế thu nhập doanh nghiệp và các khoản phải nộp Nhà nước khác theo đúng quy định.

e) Trích lập các quỹ theo luật định.

Số dư các quỹ của năm 2005, 2006 và 9 tháng đầu năm 2007 như sau:

Đơn vị tính: đồng

CÁC QUỸ	NĂM 2005	NĂM 2006	9 THÁNG ĐẦU NĂM 2007
Quỹ đầu tư và phát triển	2.804.694.076	2.804.694.076	-
Dự phòng trợ cấp mất việc	-	-	209.549.052
TỔNG CỘNG	2.804.604.076	2.804.604.076	153.088.335

Nguồn: Báo cáo kiểm toán năm 2005, 2006 và Vĩnh Hoàn 9 tháng đầu năm 2007

f) Tổng dư nợ vay ngắn hạn ngân hàng và vay ngắn hạn khác.

Tại thời điểm 30/09/2007, công ty không có số dư nợ vay.

g) Tình hình công nợ hiện nay.

- Các khoản phải thu:

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	NĂM 2005		NĂM 2006		9 THÁNG ĐẦU NĂM 2007	
	Tổng số	Nợ quá hạn	Tổng số	Nợ quá hạn	Tổng số	Nợ quá hạn
Phải thu của khách hàng	41.158.643.468	-	92.318.483.534	-	144.851.321.763	-
Trả trước cho người bán	7.981.813.558	-	13.727.345.884	-	29.580.135.340	-
Các khoản phải thu khác	2.938.632	-	0	-	16.033.765.000	-
TỔNG CỘNG	49.143.395.658	-	106.045.829.418	-	179.737.311.057	-

Nguồn: Báo cáo kiểm toán năm 2005, 2006 và Vĩnh Hoàn 9 tháng đầu năm 2007

- Các khoản phải trả:

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	NĂM 2005		NĂM 2006		9 THÁNG ĐẦU NĂM 2007	
	Tổng số	Nợ quá hạn	Tổng số	Nợ quá hạn	Tổng số	Nợ quá hạn
Nợ ngắn hạn	126.042.377.855	-	113.900.879.267	-	83.737.175.261	-
Vay và nợ ngắn hạn	87.740.207.138	-	59.580.726.426	-	6.476.923.864	-
Phải trả cho người bán	35.008.297.888	-	38.814.210.374	-	47.570.122.264	-
Người mua trả tiền trước	613.198.826	-	635.075.631	-	1.039.978.800	-
Các khoản phải nộp NN	12.054.118	-	8.029.836.158	-	7.601.304.718	-
Phải trả công nhân viên	1.783.476.830	-	6.108.734.123	-	8.370.592.130	-
Chi phí phải trả	-	-	-	-	11.476.875.330	-
Phải trả, phải nộp khác	885.143.055	-	732.296.555	-	1.201.378.155	-
Nợ dài hạn	10.606.284.844	-	14.450.897.588	-	0	-
TỔNG CỘNG	136.648.662.699	-	128.351.776.855	-	83.737.175.261	-

Nguồn: Báo cáo kiểm toán năm 2005, 2006 và Vĩnh Hoàn 9 tháng đầu năm 2007

h) Hàng tồn kho

Chi tiết hàng tồn kho năm 2005, 2006 và 9 tháng đầu năm 2007 như sau:

Đơn vị tính: đồng

HÀNG TỒN KHO	NĂM 2005	NĂM 2006	9 THÁNG ĐẦU NĂM 2007
Nguyên liệu, vật liệu	2.402.989.059	2.742.893.745	6.222.782.587
Công cụ, dụng cụ	366.044.261	364.725.659	490.339.798
Thành phẩm	51.483.681.034	32.626.552.478	65.600.407.705
Hàng hoá tồn kho	103.099.878	69.600.591	
TỔNG CỘNG	54.355.814.232	35.803.772.473	72.313.530.090

Nguồn: Báo cáo kiểm toán năm 2005, 2006 và Vĩnh Hoàn 9 tháng đầu năm 2007

i) Giải trình chênh lệch cuối kỳ 2005 và đầu kỳ 2006:

Trong năm 2006 Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 nên số liệu đầu năm 2006 so với cuối năm 2005 có những thay đổi cụ thể như sau:

- **Về các khoản phải thu:**

- ❖ Các khoản phải thu theo số liệu kiểm toán cuối năm 2005 là 49.296.514.373 đồng.
- ❖ Các khoản phải thu theo số liệu kiểm toán đầu năm 2006 là 49.143.395.658 đồng. Giảm 153.118.715 đồng so với số liệu kiểm toán cuối năm 2005 là do nguyên nhân:
 - Chuyển khoản Tạm ứng trong khoản mục Các khoản phải thu khác sang tài khoản Tài sản ngắn hạn khác là 153.118.715 đồng.

- **Về tài sản ngắn hạn khác:**

- ❖ Tài sản ngắn hạn khác theo số liệu kiểm toán cuối năm 2005 là 7.564.137.658 đồng.
- ❖ Tài sản ngắn hạn khác theo số liệu kiểm toán đầu năm 2006 là 7.717.256.400 đồng. Tăng 153.118.715 đồng so với số liệu kiểm toán cuối năm 2005 là do nguyên nhân sau:
 - Chuyển tài khoản Tạm ứng trong khoản mục Các khoản phải thu khác sang tài khoản Tài sản ngắn hạn khác là 153.118.715 đồng.

11.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu.

CHỈ TIÊU	NĂM 2005	NĂM 2006
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán (lần)		
- Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	0,91	1,33
- Hệ số thanh toán nhanh: TSLĐ - Hàng tồn kho Nợ ngắn hạn	0,48	1,02
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn (lần)		
- Hệ số nợ/Tổng tài sản:	0,81	0,54
- Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu:	4,16	1,19
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động (lần)		
- Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán Hàng tồn kho bình quân	8,69	30,34
- Doanh thu thuần/Tổng tài sản:	2,99	6,43
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời (%)		
- Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,08	5,18
- Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	1,28	73,16
- Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,25	33,34
- Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,10	5,99

12. Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban kiểm soát và Kế toán trưởng Công ty.

12.1. Danh sách thành viên Hội đồng quản trị.

a) Chủ tịch HĐQT - Bà TRƯƠNG THỊ LỆ KHANH

- Họ và tên: **TRƯƠNG THỊ LỆ KHANH**
- Giới tính: **Nữ**
- Năm sinh: **1961**
- Nơi sinh: **An Giang**
- Quốc tịch: **Việt Nam**
- Dân tộc: **Kinh**
- Quê quán: **An Giang**
- Địa chỉ thường trú: **765 Nguyễn Duy Trinh, P.Phú Hữu, Quận 9, TP.HCM.**
- ĐT liên lạc ở cơ quan: **(08) 8.381.087**
- Trình độ văn hóa: **12/12**

- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế - Đại học TCKT TP.HCM
- Quá trình công tác:
 - 1984 - 1985: Cán bộ Sở Tài chính tỉnh An Giang.
 - 1986 - 1987: Kế toán trưởng Công ty Xuất nhập khẩu Châu Thành An Giang
 - 1986 - 1990: Phó Giám đốc Công ty Xuất nhập khẩu Châu Thành An Giang.
 - 1991 - 1996: Phó Giám Đốc Công ty Thương Nghiệp Tổng Hợp An Giang
 - 1996 – 1997 : Trợ lý Tổng Giám Đốc Công ty FIDECO
 - 1997 - 3/2007: Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Giám đốc Công ty TNHH Vĩnh Hoàn.
 - 4/2007 - hiện nay: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn.
- Chức vụ công tác hiện nay: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn.
- Số cổ phiếu nắm giữ: 17.965.000 cổ phiếu
 - Trong đó: + Sở hữu: 17.965.000 cổ phiếu
 - + Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu
- Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu: Không có.
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có.
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có.

b) Thành viên HĐQT - Bà TRƯƠNG TUYẾT PHƯƠNG.

- Họ và tên: **TRƯƠNG TUYẾT PHƯƠNG**
- Giới tính: Nữ
- Năm sinh: 1974
- Nơi sinh: An Giang.
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: An Giang.
- Địa chỉ thường trú: Số 27 Đốc Phú Thu, TX.Châu Đốc, An Giang.
- ĐT liên lạc ở cơ quan: (067) 891.166
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế - Đại học TCKT TP.HCM
- Quá trình công tác:
 - 1998 - 2005: Kế toán trưởng Chi nhánh Công ty TNHH Vĩnh Hoàn.
 - 2005 – 3/2007: Phó Giám đốc tài chính Công ty TNHH Vĩnh Hoàn.
 - 4/2007 - hiện nay: Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc tài chính sau đó làm Phó Tổng Giám đốc tài chính Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn.
 - Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng Giám đốc tài chính Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn.

- Số cổ phiếu nắm giữ: 10.000 cổ phiếu
- Trong đó:
 - + Sở hữu: 10.000 cổ phiếu
 - + Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu

- Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu: Không có.
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có.
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có.

c) Thành viên HĐQT - Ông ĐẶNG VĂN VIỄN:

- Họ và tên: **ĐẶNG VĂN VIỄN**
- Giới tính: Nam
- Năm sinh: 1975
- Nơi sinh: Vĩnh Long
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Vĩnh Long
- Địa chỉ thường trú: Ấp Đồng Phú, xã Ngải Tứ, huyện Tam Bình, Vĩnh Long.
- ĐT liên lạc ở cơ quan: (067) 891.166
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư ngành Công nghệ thực phẩm.
- Quá trình công tác:
 - 1998 - 1999: Công tác tại Công ty cổ phần Thủy sản CAFATEX
 - 1999 - 2002: Nhân viên phòng Nghiệp vụ Cục quản lý chất lượng, an toàn vệ sinh và Thú y thủy sản Cần Thơ.
 - 2002 - 3/2007: Trưởng phòng Kế hoạch Công ty TNHH Vĩnh Hoàn.
 - 4/2007- hiện nay: Thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng phòng Kế hoạch Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn sau đó làm Phó Tổng Giám đốc phụ trách nuôi trồng Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn.
- Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng Giám đốc phụ trách nuôi trồng Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn.
- Số cổ phiếu nắm giữ: 10.000 cổ phiếu
- Trong đó:
 - + Sở hữu: 10.000 cổ phiếu
 - + Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu
- Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu: Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có.
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có.

d) Thành viên HĐQT - Bà NGUYỄN NGÔ VI TÂM.

- Họ và tên: **NGUYỄN NGÔ VI TÂM**
- Giới tính: Nữ
- Năm sinh: 1979
- Nơi sinh: TP.HCM
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: TP.HCM

- Địa chỉ thường trú: Số 323/18/11 Minh Phụng, Phường 2, Quận 11, TP.HCM.
- ĐT liên lạc ở cơ quan: (08) 8.381.087
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Luật.
- Quá trình công tác:
 - 2002 - 2003: Luật sư Văn phòng Luật YKVN.
 - 2003 - 2005: Nhân viên phòng Kinh doanh Công ty TNHH Vĩnh Hoàn.
 - 2005 - 3/2007: Trưởng phòng Kinh doanh Công ty TNHH Vĩnh Hoàn.
 - 4/2007 - hiện nay: Thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng phòng Kinh doanh Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn.
- Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng phòng Kinh doanh Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn.
- Số cổ phiếu nắm giữ: 10.000 cổ phiếu
 - Trong đó: + Sở hữu: 10.000 cổ phiếu
 - + Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu
- Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu: Không có.
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có.
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có.

e) Thành viên HĐQT - Bà NGUYỄN THỊ KIM ĐÀO:

- Họ và tên: **NGUYỄN THỊ KIM ĐÀO**
- Giới tính: Nữ
- Năm sinh: 1979
- Nơi sinh: TP.HCM
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: TP.HCM
- Địa chỉ thường trú: Số 153 Đào Cam Mộc, Phường 4, Quận 8, TP.HCM
- ĐT liên lạc ở cơ quan: (067) 891.166
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế - Đại học TCKT TP.HCM
- Quá trình công tác:
 - 2003 - 2004: Phó phòng kế toán Công ty TNHH Vĩnh Hoàn.
 - 2004 - 3/2007: Kế toán trưởng Công ty TNHH Vĩnh Hoàn.
 - 4/2007- hiện nay: Thành viên Hội đồng quản trị, Kế toán trưởng Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn.
- Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên Hội đồng quản trị, Kế toán trưởng Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn.
- Số cổ phiếu nắm giữ: 5.000 cổ phiếu
 - Trong đó: + Sở hữu: 5.000 cổ phiếu
 - + Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu
- Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu: Không có.
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có.

- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có.

12.2. Danh sách thành viên Ban Kiểm soát:

a) Trưởng Ban kiểm soát – Ông HUỖNH ĐỨC TRUNG

- Họ và tên: **HUỖNH ĐỨC TRUNG**
- Giới tính: Nam
- Năm sinh: 1963
- Nơi sinh: Đồng Tháp
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Đồng Tháp
- Địa chỉ thường trú: Số 358A Trần Hưng Đạo, Phường 1, Sa Đéc, Đồng Tháp.
- ĐT liên lạc ở cơ quan: (067) 891.166
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư ngành chế biến công nghệ thực phẩm
- Quá trình công tác:
 - 2001 - 3/2007: Phó Giám đốc sản xuất Công ty TNHH Vĩnh Hoàn.
 - 4/2007- hiện nay: Trưởng ban kiểm soát, Phó Tổng Giám đốc sản xuất Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn.
- Chức vụ công tác hiện nay: Trưởng ban kiểm soát, Phó Tổng Giám đốc sản xuất Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn.
- Số cổ phiếu nắm giữ: 10.000 cổ phiếu
- Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu: Không có.
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có.
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có.

b) Thành viên Ban Kiểm soát – Bà HÀ PHƯƠNG THỦY HỒNG NHUNG:

- Họ và tên: **HÀ PHƯƠNG THỦY HỒNG NHUNG**
- Giới tính: Nữ
- Năm sinh: 1980
- Nơi sinh: An Giang
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: An Giang
- Địa chỉ thường trú: Số 358/3 Ấp Tân Tiến, Xã Tân Thông Hội, Củ Chi, TP.HCM
- ĐT liên lạc ở cơ quan: (067) 891.166
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế - Đại học Kinh tế TP.HCM
- Quá trình công tác:
 - 7/2003 - 2006: Kế toán tổng hợp Công ty TNHH Vĩnh Hoàn.
 - 1/2007- 3/2007: Phó phòng Kế toán Công ty TNHH Vĩnh Hoàn.
 - 4/2007- 5/2007: Thành viên Ban kiểm soát Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn, Phó phòng Kế toán Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn.

- 5/2007- hiện nay: Thành viên Ban kiểm soát Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn, Kế toán trưởng Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1.
- Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên ban kiểm soát, Kế toán trưởng Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1.
- Số cổ phiếu nắm giữ: 0 cổ phiếu
- Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu:
 - Ông Phan Ngọc Thạch: Chồng của bà Hà Phương Thủy Hồng Nhung
- Số lượng cổ phiếu nắm giữ: 4.000 cổ phiếu.
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có.
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có.

c) Thành viên Ban kiểm soát – Ông TRẦN TẤN NHẬT :

- Họ và tên: **TRẦN TẤN NHẬT**
- Giới tính: Nam
- Năm sinh: 1982
- Nơi sinh: TPHCM
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: TPHCM
- Địa chỉ thường trú: Số 540 đường Ba Tháng Hai, phường 14, quận 10, TP.HCM
- ĐT liên lạc ở cơ quan: (08) 914.1994
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế - Đại học Kinh tế TP.HCM
- Quá trình công tác:
 - 10/2005 – 3/2007: Chuyên viên Phòng tư vấn Công ty cổ phần chứng khoán Bảo Việt – CN TPHCM.
 - 4/2007- hiện nay: Thành viên Ban kiểm soát Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn, Chuyên viên Phòng tư vấn Công ty cổ phần chứng khoán Bảo Việt – CN TPHCM.
- Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên ban kiểm soát, Chuyên viên Phòng tư vấn Công ty cổ phần chứng khoán Bảo Việt – CN TPHCM.
- Số cổ phiếu nắm giữ: 0 cổ phiếu
- Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu: Không có.
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có.
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có.

12.3. Ban Tổng Giám đốc Công ty.

a) Tổng Giám đốc - Bà TRƯƠNG THỊ LỆ KHANH:

- Lý lịch trình bày tại phần a của Hội đồng quản trị.

b) Phó Tổng Giám đốc tài chính: Bà TRƯƠNG TUYẾT PHƯƠNG

- Lý lịch trình bày tại phần **b** của Hội đồng quản trị.

c) Phó Tổng Giám đốc kinh doanh: Ông LÊ MẠNH ĐỨC

1. Họ và tên: **LÊ MẠNH ĐỨC**
2. Giới tính: Nam
3. Năm sinh: 1956
4. Nơi sinh: Bình Thuận
5. Quốc tịch: Việt Nam
6. Dân tộc: Kinh
7. Quê quán: Thanh Hóa
8. Địa chỉ thường trú: Quận Gò Vấp, TPHCM
9. ĐT liên lạc ở cơ quan: (08) 8381087
10. Trình độ văn hóa: 12/12
11. Trình độ chuyên môn: Đại học Nông lâm
12. Quá trình công tác:
 - Trước 1997: Giảng viên trường Đại học Nông Lâm TP.HCM
 - 1997 – 4/2007: Phó Giám đốc kinh doanh Công ty TNHH Vĩnh Hoàn.
 - 4/2007 – nay: Phó Tổng Giám đốc kinh doanh Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn.
13. Chức vụ công tác hiện nay: Phó Tổng giám đốc kinh doanh Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn.
14. Số cổ phiếu nắm giữ: 10.000 cổ phiếu
15. Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu: Không có.
16. Hành vi vi phạm pháp luật: Không có.
17. Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có.

d) Phó Tổng Giám đốc sản xuất: Ông HUỖNH ĐỨC TRUNG

- Lý lịch trình bày tại phần **a** của Ban Kiểm soát.

e) Phó Tổng Giám đốc phụ trách nuôi: Ông ĐẶNG VĂN VIỄN

- Lý lịch trình bày tại phần **c** của Hội đồng quản trị

12.4. Kế toán trưởng - Bà NGUYỄN THỊ KIM ĐÀO:

- Lý lịch trình bày tại phần **e** của Hội đồng quản trị.

13. Tài sản.

Giá trị tài sản cố định hữu hình theo báo cáo tài chính tại thời điểm 30/09/2007.

Đơn vị tính: đồng

STT	KHOẢN MỤC	NGUYÊN GIÁ (NG)	GIÁ TRỊ CÒN LẠI (GTCL)	GTCL/NG (%)
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	25.586.719.089	16.136.954.850	63,07%
2	Máy móc, thiết bị	77.991.937.269	43.730.393.157	56,07%
3	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	2.843.672.812	1.761.853.938	61,96%
4	Thiết bị, dụng cụ quản lý	1.034.668.102	126.131.686	12,19%
CỘNG		107.456.997.272	64.855.460.790	60,35%

Nguồn: Công ty Vĩnh Hoàn

Danh mục đất đai Công ty đang quản lý:

STT	MẶT BẰNG	HIỆN TRẠNG	GHI CHÚ
01	Quốc lộ 30, Phường 11, TP.Cao Lãnh, Đồng Tháp (13.500m ²)	Trụ sở văn phòng Công ty và các phân xưởng sản xuất, các phòng ban của Công ty.	Đất mua (có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất)
02	Quốc lộ 30, Phường 11, TP.Cao Lãnh, Đồng Tháp (21.600m ²)	Khởi công xây dựng Xí nghiệp 3, kế hoạch 30/04/08 sẽ đi vào hoạt động	Đất mua (có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất)
03	KCB Thanh Bình, Xã Bình Thành, Huyện Thanh Bình, Tỉnh Đồng Tháp	Khởi công xây dựng nhà máy chế biến thức ăn , kế hoạch 31/12/07 sẽ đi vào hoạt động	Đất thuê 50 năm
04	Số 384 Nguyễn Trãi, Quận 5, TP.HCM	Chi nhánh của Công ty tại TP.HCM.	Đất thuê.
05	Đất tại ấp Bình Mỹ, Xã.Bình Thạnh, Cao Lãnh, Đồng Tháp (21,8ha)	Dự án trại nuôi	Đất thuê (20 năm)
06	Đất tại ấp Tân Hậu, Xã Tân Thuận Tây, Cao Lãnh, Đồng Tháp (14,7ha)	Dự án trại nuôi	Đất thuê (20 năm)
07	Đất tại ấp Tân Bình Thượng, Xã Tân Hoà, Thanh Bình, Đồng Tháp (18ha)	Dự án trại nuôi	Có 12,4 ha đất thuê (20 năm) và 5,6 ha đất mua (có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất)
08	Đất tại ấp Mỹ Hưng Hoà, Mỹ Xương, Cao Lãnh, Đồng Tháp (18ha)	Dự án trại nuôi	Có 8,6 ha đất thuê (20 năm) và 15 ha đất mua (có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất)
09	Đất tại ấp Đông Định, Xã Tân Thuận Đông, Cao Lãnh, Đồng Tháp (40ha)	Dự án trại nuôi	Đất mua (có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất)
10	Đất tại ấp Nam, Xã Tân Thạnh, Thanh Bình, Đồng Tháp (18,1ha)	Dự án trại nuôi	Có 9,1 ha đất thuê (20 năm) và 9 ha đất mua (có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất)
11	Đất tại ấp Bình An, X.Hoà Nghĩa, Chợ Lách, Bến Tre (6,8ha)	Dự án trại nuôi	Đất mua (có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất)
12	Đất tại ấp Tân Thới Thượng, X.Tân Hoà, Thanh Bình, Đồng Tháp (7,5ha)	Dự án trại nuôi	Đất thuê (20 năm)

Nguồn: Công ty Vĩnh Hoàn

14. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong năm tiếp theo.

CHỈ TIÊU	NĂM 2007	
	Giá trị	(%) tăng giảm so với năm 2006
Vốn chủ sở hữu (Vốn điều lệ)	303.000.000.000	5,00%
Doanh thu thuần	1.713.357.000.000	13,01%
Lợi nhuận sau thuế (LNST)	108.850.000.000	38,46%
LNST / doanh thu thuần	6,35%	22,52%
LNST/ Vốn chủ sở hữu	30,24%	15,38%
Cổ tức tính trên mệnh giá (đồng/CP)	2.000	-

Nguồn: Công ty Vĩnh Hoàn

Để nâng cao vai trò, trách nhiệm và quyền lợi các cán bộ chủ chốt, nhân viên giỏi, có năng lực, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã thông qua phương án phát hành thêm 5% vốn điều lệ của Công ty để dùng vào chương trình cổ phiếu thưởng cho nhân viên (ESOP). Số lượng này được chia đều trong 5 năm, áp dụng từ năm 2007 đến năm 2011.

- Căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận cổ tức nói trên:

Trong năm 2006, doanh thu của Vĩnh Hoàn có sự tăng trưởng mạnh là do Công ty được áp dụng mức thuế 6,81% cho sản phẩm nhập khẩu vào thị trường Mỹ, đồng thời phân xưởng sản xuất 02 của Công ty bắt đầu hoạt động, làm gia tăng đáng kể sản lượng sản phẩm. Bên cạnh đó, do có sự điều chỉnh tăng giá bán sản phẩm nên doanh thu bán sản phẩm của Công ty tăng.

Tốc độ tăng trưởng cao của ngành thủy sản đặc biệt là xuất khẩu thủy sản 10-15% mỗi năm sẽ là một điều kiện thuận lợi để Công ty mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh của mình. Các kế hoạch đầu tư phát triển như: tăng vốn điều lệ Công ty, nâng cao năng lực sản xuất các nhà máy hiện tại, xây dựng nhà máy mới, hiện đại, mở rộng hệ thống phân phối, thực hiện các dự án nuôi cá nguyên liệu đảm bảo tự cung cấp nguồn nguyên liệu (đảm bảo tới 60% tổng nguồn nguyên liệu của toàn Công ty).v.v... khi hoàn tất đi vào hoạt động sẽ góp phần đáng kể làm tăng doanh số và lợi nhuận cho Công ty.

- Kế hoạch đầu tư, dự án đã được HĐQT, ĐHĐCĐ thông qua:

Nhằm khép kín quá trình sản xuất, tăng doanh thu, lợi nhuận và tạo lợi thế cạnh tranh, hạ giá thành sản phẩm, Công ty đưa ra kế hoạch trong năm 2007 – 2008 hoàn thành 03 dự án :

a. Nhà máy chế biến thức ăn cho cá và nhà máy chế biến phụ phẩm với công suất : 240 tấn thành phẩm /ngày

Nhằm đáp ứng một phần nhu cầu thức ăn cho khâu nuôi của Vĩnh Hoàn đồng thời thực hiện chương trình truy suất từ nguyên liệu đầu vào đến thành phẩm sử dụng tại các ao nuôi.

Nhà máy thức ăn thủy sản của Vĩnh Hoàn ra đời còn phục vụ cho công tác nghiên cứu hữu hiệu về dinh dưỡng nhằm cho ra các sản phẩm tối ưu cho chuỗi sản xuất cá tra vì công ty có thể thực nghiệm nuôi và chế biến khép kín, đưa ra các sản phẩm đáp ứng được yêu cầu của khách hàng và qui định quốc tế.

Bên cạnh đó, Công ty cũng có kế hoạch xây dựng nhà máy chế biến bột cá và mỡ cá với công nghệ hiện đại nhằm mục đích tăng cao giá trị sản phẩm sản xuất của Vĩnh Hoàn.

b. Dự án nuôi :

Công ty thành lập Xí nghiệp nuôi và Trung tâm Dịch vụ Thú y Thủy sản nhằm tổ chức nuôi và cung cấp dịch vụ tư vấn kỹ thuật nuôi, điều trị bệnh theo đúng qui phạm thực hành nuôi sạch để đáp ứng nguyên liệu cho sản xuất .

- Hợp tác : Công ty liên kết, hợp tác với người nuôi có kinh nghiệm, cùng nhau góp vốn (bằng nhiều hình thức: quỹ đất, thức ăn, kỹ thuật nuôi, tài chính) nhằm mục đích tạo ra sản lượng nguyên liệu đảm bảo tiêu chuẩn an toàn vệ sinh thực phẩm phục vụ cho sản xuất với sản lượng 20.000 tấn.
- Tự nuôi : Công ty qui hoạch khâu nuôi (sản lượng 45.000 tấn tại khu vực có vị trí lưu thông tốt, mật độ dân cư thưa và qui hoạch ao nuôi theo đúng qui phạm nuôi sạch và quan tâm đúng mức về môi trường, nước nuôi và nước thải ra đều được xử lý. Công ty mong muốn đi tiên phong trong việc thay đổi tập quán và nhận thức đúng đắn về môi trường làm nền tảng cho sự phát triển bền vững của ngành Công nghiệp cá tra Việt Nam.

c. Dự án nhà máy chế biến số 3: công suất 200 tấn cá nguyên liệu/ca sản xuất

Dự án này xây dựng trên cơ sở nguyên liệu công ty có thể kiểm soát tự chủ cho sản xuất. Phần nguyên liệu của Công ty chủ động trên 60%, phần nguyên liệu còn lại mua trực tiếp thông qua hệ thống cung cấp truyền thống tuân thủ qui định của Công ty trong kiểm soát nuôi ; Nhà máy không chỉ quan tâm các thiết bị cấp đông hiện đại mà được đặc biệt chú trọng đến các thiết kế hệ thống phục vụ cho vệ sinh và an toàn lao động, hệ thống trung tâm cũng như kiểm toán năng lượng được đưa vào qui hoạch chi tiết và phần gom vụn phế liệu ít ảnh hưởng đến chất lượng nhất đến chất lượng nước thải và không đi ngược với nguyên lý sản xuất sạch hơn.

15. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức.

Với tư cách là tổ chức tư vấn chuyên nghiệp, Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt đã tiến hành thu thập thông tin, nghiên cứu, phân tích để đưa ra những đánh giá và dự báo về hoạt động kinh doanh của Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn. Nếu không có những biến động bất thường và bất khả kháng tác động đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, thì kế hoạch lợi nhuận mà Công ty đưa ra là có tính khả thi và Công ty có thể đảm bảo được tỷ lệ chi trả cổ tức hàng năm như kế hoạch. Chúng tôi cũng cho rằng, tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức

như kế hoạch của Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàn đề ra là hợp lý, đảm bảo nguồn lợi nhuận giữ lại để tiếp tục tái đầu tư nhằm duy trì tốc độ tăng trưởng trong tương lai.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn, dựa trên những cơ sở thông tin được thu thập có chọn lọc và dựa trên lý thuyết về tài chính chứng khoán mà không hàm ý bảo đảm giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Nhận xét này chỉ mang tính tham khảo với nhà đầu tư khi tự mình ra quyết định đầu tư.

16. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết.

Không có.

17. Các thông tin tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán niêm yết.

Không có.

V. CỔ PHIẾU NIÊM YẾT.

1. Loại cổ phiếu.	Cổ phiếu phổ thông (vô danh).
2. Mệnh giá.	10.000 đồng.
3. Tổng số cổ phần đăng ký niêm yết.	30.000.000 cổ phần.
Số lượng cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng	18.000.000 cổ phần

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn số 5103000069 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp lần đầu ngày 17/4/2007, số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng của cổ đông sáng lập Công ty theo quy định của pháp luật là: 100% cổ phần trong tổng số 18.000.000 cổ phần của cổ đông sáng lập sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong thời hạn 03 năm kể từ ngày 17/04/2007. Đến ngày 17/04/2010, số lượng cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng này theo quy định về cổ đông sáng lập sẽ được tự do chuyển nhượng.

Khi cổ phiếu của Công ty niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM, theo quy định của Điều lệ công ty, các thành viên là Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng của Công ty cam kết không chuyển nhượng 100% (tương ứng với 18.000.000 cổ phiếu) số lượng cổ phiếu mà các thành viên này nắm giữ trong thời gian 06 tháng kể từ khi niêm yết, và 50% số lượng cổ phiếu trên trong thời gian 06 tháng tiếp theo.

4. Giá niêm yết dự kiến.	62.000 đồng/cp.
5. Phương pháp tính giá.	Phương pháp so sánh chỉ số giá cổ phiếu/thu nhập mỗi cổ phần P/E.

Sử dụng phương pháp P/E (so sánh giá trị cổ phiếu trên thị trường/thu nhập trên mỗi cổ phiếu) của Công ty vào thời điểm 30/06/2007 làm cơ sở dự kiến giá niêm yết, phương pháp tính toán như sau:

a. Tính toán chỉ số giá cổ phiếu/thu nhập mỗi cổ phiếu (P/E) của doanh nghiệp:

Vĩnh Hoàn là doanh nghiệp trong ngành chế biến xuất khẩu thủy sản (cá Tra, Basa) và một phần các loại sản phẩm giá trị gia tăng từ thủy sản tương tự như ngành nghề kinh doanh của Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu thủy sản An Giang (Agifish), Công ty có cổ phiếu được niêm yết cổ phiếu trên Sở GDCK TP.HCM, vì vậy chỉ số P/E của Vĩnh Hoàn cơ bản được tính toán trên cơ sở so sánh với P/E của Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu thủy sản An Giang (Agifish).

Theo bản tin thị trường số 187 ngày 06/10/2007 công bố, chỉ số P/E điều chỉnh của Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu thủy sản An Giang giai đoạn từ 01/17/2006 đến ngày 30/06/2007 là 17,20. Dựa trên số liệu này, đơn vị tư vấn và Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn thống nhất lựa chọn mức P/E bằng với chỉ số P/E của Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu thủy sản An Giang.

Chỉ số P/E của doanh nghiệp được xác định là 17,20.

b. Tính toán lại thu nhập trên mỗi cổ phiếu:

Đơn vị tính: đồng

Thời gian	Vốn điều lệ	Thu nhập sau thuế
Quý II/2006	17.300.000.000	29.499.478.361
Quý III/2006	17.300.000.000	43.148.544.706
Quý IV/2006	17.300.000.000	8.478.620.128
Quý I/2007	246.731.456.710	26.874.071.079
Cộng		108.000.714.274
Số lượng cổ phiếu lưu hành bình quân (CP)		7.465.786
EPS điều chỉnh		14.466

c. Tính toán giá cổ phiếu:

$$\begin{aligned}\text{Giá cổ phiếu niêm yết (P) dự kiến} &= \text{P/E} \times \text{Thu nhập trên mỗi cổ phần (EPS)} \\ &= 17,20 \times 14.466 \\ &= 248.815 \text{ (đồng)}\end{aligned}$$

Trong trường hợp tính toán theo số lượng cổ phiếu đang lưu hành, giá cổ phiếu dự kiến của Công ty chưa phản ánh thực tế trong việc tăng vốn lên 300 tỷ đồng trong tháng 4/2007.

Vì vậy, đơn vị tư vấn lựa chọn phương án tính giá cổ phiếu dự kiến niêm yết dựa trên dự báo thu nhập của mỗi cổ phiếu đến cuối năm 2007. Cụ thể như sau:

- Vốn điều lệ trong năm 2007: 300 tỷ đồng.
- Số lượng cổ phiếu lưu hành là: 3.000.000 cổ phiếu.

- Lợi nhuận sau thuế năm 2007 (dự kiến): 108,85 tỷ đồng.
- Thu nhập trên mỗi cổ phiếu dự kiến: 3.628 đồng/cổ phiếu

$$\begin{aligned}\text{Giá cổ phiếu niêm yết (P) dự kiến} &= P/E \times \text{Thu nhập trên mỗi cổ phần (EPS)} \\ &= 17,20 \times 3.628 \\ &= 62.401 \text{ (đồng)}\end{aligned}$$

Giá cổ phiếu được làm tròn đến hàng trăm đồng, vì vậy đơn vị tư vấn và doanh nghiệp thống nhất mức giá dự kiến trong ngày giao dịch đầu tiên là 62.000 đồng/cổ phần.

6. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ của người nước ngoài.

Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty không giới hạn tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu của Công ty đối với người nước ngoài. Khi công ty được niêm yết, theo Quyết định số 238/2005/QĐ-TTg ngày 29/9/2005 của Thủ tướng Chính phủ về tỷ lệ tham gia của bên nước ngoài vào thị trường chứng khoán Việt Nam, tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài giới hạn tối đa là 49% tổng số cổ phiếu đang lưu hành của Công ty.

7. Các loại thuế có liên quan.

Theo Thông tư số 100/2004/TT-BTC ngày 20/10/2004 của Bộ Tài chính hướng dẫn thuế GTGT và thuế thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán trên lãnh thổ Việt Nam:

- ✓ Các tổ chức, cá nhân đầu tư được miễn thuế thu nhập cá nhân và thuế thu nhập doanh nghiệp đối với khoản thu nhập từ cổ tức được nhận.
- ✓ Các cá nhân đầu tư sẽ được miễn thuế thu nhập cá nhân đối với khoản thu nhập từ việc đầu tư vào cổ phần của doanh nghiệp niêm yết.
- ✓ Tổ chức đầu tư trong và ngoài nước có đăng ký kinh doanh tại Việt Nam phải chịu thuế thu nhập doanh nghiệp từ việc mua, bán cổ phiếu của doanh nghiệp niêm yết.
- ✓ Tổ chức đầu tư nước ngoài không đăng ký kinh doanh tại Việt Nam phải chịu một khoản thuế khoán khi bán cổ phiếu.
- Công ty có nghĩa vụ nộp thuế TNDN với thuế suất 28% trên thu nhập chịu thuế. Riêng đối với hoạt động ưu đãi đầu tư là 20%.
- Áp dụng quy định tại Nghị định 24/2007/NĐ-CP ngày 14/2/2007, Nghị định 164/2003/NĐ-CP ngày 22/12/2003, Thông tư số 128/2003/TT-BTC ngày 22/12/2003 và Thông tư số 88/2004/TT-BTC ngày 01/09/2004, Công ty được miễn thuế TNDN 1 năm và giảm 50% thuế TNDN phải nộp cho 4 năm tiếp theo của dự án “Mở rộng quy mô - Nâng cao năng lực sản xuất của Nhà máy chế biến thủy sản xuất khẩu Vĩnh Hoàn” (là Xí Nghiệp 2).
- Thuế giá trị gia tăng cho kinh doanh thủy sản là 5%-10%.
- Thuế xuất khẩu cho mặt hàng thủy sản là 0%.

VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC NIÊM YẾT.

1. Tổ chức tư vấn niêm yết.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢO VIỆT (BVSC).

Trụ sở chính: Tầng 2+5, 94 Bà Triệu, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Điện thoại: (84-4) 9433 016 Fax: (84-4) 9433 012

Chi nhánh: 11 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84-8) 9141 993 Fax: (84-8) 9141 991

2. Tổ chức kiểm toán.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN (A&C)

Địa chỉ: 229 Đồng Khởi, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

Điện thoại: (84-8) 827 2295 Fax: (84-8) 827 2300

Chi nhánh: 877 Hồng Hà, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: (84-8) 9324133 Fax: (84-8) 9324113

VII. PHỤ LỤC.

- 1. Phụ lục I: Bản sao Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh**
- 2. Phụ lục II: Bản sao hợp lệ Điều lệ công ty.**
- 3. Phụ lục III: Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2005, 2006, 3 tháng 2007.**
- 4. Phụ lục IV: Sơ yếu lý lịch các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng**
- 5. Phụ lục V: Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thông qua việc niêm yết cổ phiếu trên Sở TPHCM.**



**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC NIÊM YẾT
CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN**

Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc

TRƯƠNG THỊ LỆ KHANH

Trưởng Ban kiểm soát

Kế toán trưởng

HUỲNH ĐỨC TRUNG

NGUYỄN THỊ KIM ĐÀO

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN NIÊM YẾT
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢO VIỆT**

Giám đốc Chi nhánh TPHCM

VÕ HỮU TUẤN